

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Sinh viên : Trần Thị Lan Chi
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hoàng Thị Hồng Lan

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT
LƯỢNG TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT TẠI
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN QUẢNG NINH – CHI NHÁNH
QUẢNG YÊN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

**Sinh viên : Trần Thị Lan Chi
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hoàng Thị Hồng Lan**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Lan Chi

Mã SV: 1354040155

Lớp: QT1301T

Ngành: Tài chính ngân

hàng

Tên đề tài: Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Xây dựng cơ sở lý luận về hiệu quả hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất của Ngân hàng Thương mại.

-

Thu thập số liệu và phân tích đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động tín dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Yên.

-

Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất và đề xuất một số kiến nghị.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

-

Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các năm 2010, 2011, 2012 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Quảng Yên.

-

Sơ đồ cơ cấu tổ chức, phương hướng phát triển của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh - Chi nhánh Quảng Yên.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Hoàng Thị Hồng Lan

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trần Thị Lan Chi

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013
Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÍN DỤNG VÀ CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI KINH TẾ HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP.	4
1.1.Kinh tế hộ sản xuất trong nền kinh tế thị trường.	4
1.1.1. Khái niệm hộ sản xuất.....	5
1.1.2. Phân loại kinh tế hộ sản xuất	5
1.1.3. Đặc điểm kinh tế hộ sản xuất.....	7
1.1.4. Vai trò của hộ sản xuất đối với nền kinh tế và xã hội.....	8
1.2.Vai trò của tín dụng Ngân hàng Thương mại đối với sự phát triển kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.....	11
1.2.1. Khái niệm về tín dụng, tín dụng hộ sản xuất.	11
1.2.2. Vai trò tín dụng ngân hàng đối với sự phát triển kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam	12
1.3.Chất lượng tín dụng, ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng tín dụng.	14
1.3.1. Chất lượng tín dụng.	14
1.3.2. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại ngân hàng thương mại.....	15
1.3.3. Ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại.	22
1.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất.....	24
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KINH TẾ HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NINH – CHI NHÁNH QUẢNG YÊN.	29
2.1.Đặc điểm hộ sản xuất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.	29
2.2.Khái quát về Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.....	30
2.2.1. Lịch sử hình thành và sự phát triển của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên	30
2.2.2. Hoạt động huy động vốn.....	34

2.3.Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.....	36
2.4.Thực trạng chất lượng hoạt động tín dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Quảng Yên.....	38
2.5.Đánh giá thực trạng chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.	53
2.5.1. Tình hình nợ quá hạn	54
2.5.2. Nợ xấu	57
2.5.3. Vòng quay vốn tín dụng hộ sản xuất.	59
2.5.4. Hiệu suất sử dụng vốn.....	60
2.5.5. Kết quả đạt được trong hoạt động tín dụng hộ sản xuất của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Yên trong giai đoạn 2010 – 2012.	60
CHƯƠNG 3:GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT Ở NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NINH – CHI NHÁNH QUẢNG YÊN..	65
3.1.Định hướng nâng cao chất lượng tín dụng hộ sản xuất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên từ giai đoạn 2011 – 2015.....	65
3.1.1. Định hướng hoạt động chung của chi nhánh	65
3.1.2. Định hướng nâng cao hiệu quả cho vay hộ sản xuất của Chi nhánh. ...	67
3.2.Một số giải pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Yên.	68
3.2.1. Thực hiện tốt quy trình nghiệp vụ tín dụng kinh tế hộ.	68
3.2.2. Nâng cao chất lượng tín dụng hộ sản xuất.....	69
3.2.3. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng tiền vay.	75
3.2.4. Giải pháp mở rộng mạng lưới hoạt động tại các phường, xã xa ngân hàng.	75
3.2.5. Xây dựng và sử dụng hợp lý quỹ dự phòng rủi ro tín dụng.....	76
3.2.6. Giải pháp về nâng cao chất lượng công tác cán bộ tín dụng	77
3.2.7. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Yên cần phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương.	77
3.3.Một số kiến nghị.	77
3.3.1. Kiến nghị với nhà nước.....	77
3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam:	78

3.3.3. Kiến nghị với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	79
3.3.4. Kiến nghị với chính quyền địa phương.....	80
3.3.5. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Quảng Ninh:.....	81
3.3.6. Kiến nghị đối với hộ sản xuất	82
KẾT LUẬN	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	86

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Tên đầy đủ	Tên tắt
Ngân hàng Thương mại	NHTM
Quyết định	QĐ
Ngân hàng Nhà nước	NHNN
Ngân hàng Trung ương	NHTW
Tài sản cố định	TSCĐ
Thị trường chứng khoán	TTCK
Ngân hàng	NH
Tổ chức tín dụng	TCTD
Tổ chức kinh tế	TCKT
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn	NHNo&PTNT
Hộ sản xuất	HSX
Cán bộ tín dụng	CBTD
Nợ quá hạn	NQH
Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa	CNH – HĐH
Sản xuất kinh doanh	SXKD

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1 : Nguồn vốn huy động của NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010-2012:

Bảng 2.2: Kết quả hoạt động kinh doanh của NHNo& PTNT Quảng Yên năm 2010 – 2012

Bảng 2.3: Kết quả hoạt động cho vay đối với hộ sản xuất từ năm 2010 - 2012.

Bảng 2.4 : Dư nợ tín dụng hộ sản xuất theo thành phần kinh tế tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012

Bảng 2.5 : Dư nợ hộ sản xuất phân theo ngành kinh tế tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012

Bảng 2.6: Dư nợ bình quân hộ sản xuất giai đoạn 2010 – 2012

Bảng 2.7 : Nợ quá hạn cho vay hộ sản xuất tại NHNO& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012

Bảng 2.8: Nợ quá hạn hộ sản xuất phân theo thời gian quá hạn tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 – 2012

Bảng 2.9: Nợ xấu tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012

Bảng 2.10: Vòng quay vốn tín dụng của NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012

Bảng 2.11: Hiệu suất sử dụng vốn của NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012

DANH MỤC SƠ ĐỒ HÌNH VẼ

Biểu đồ 1 : Doanh số cho vay hộ sản xuất theo ngành kinh tế trong giai đoạn 2010 – 2012.

Biểu đồ 2: Doanh số thu nợ hộ sản xuất theo thời hạn tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 – 2012.

Biểu đồ 3: Nợ quá hạn cho vay hộ sản xuất tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 – 2012.

Biểu đồ 4: Tỷ trọng cho vay đối với hộ sản xuất tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 – 2012.

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài.

Hoạt động tín dụng là một trong những hoạt động chính của các ngân hàng, nó là một hoạt động phức tạp và đòi hỏi phải có trình độ quản lý cao. Với nền kinh tế thị trường, sự phát triển và cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động bình đẳng với nhau trước pháp luật, cạnh tranh nhau để phát triển, do đó việc quản lý tín dụng, phương thức hoạt động kinh doanh là rất quan trọng. Với tư cách là doanh nghiệp kinh doanh đặc biệt trong lĩnh vực tiền tệ tín dụng, các ngân hàng thương mại cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Để thu hút được khách hàng, ngân hàng luôn phải đổi mới chiến lược kinh doanh, đó cũng là nhiệm vụ cần thiết của tín dụng.

Thị xã Quảng Yên là một khu vực kinh tế còn nghèo nàn lạc hậu, sản xuất chủ yếu là nông nghiệp và nuôi trồng khai thác Thủy sản, không có nhiều ngành nghề đa dạng như các địa phương khác, sản xuất đặc canh là cây lúa. Mặt khác ta đã biết Quảng Yên cách trung tâm thành phố khá xa, các hoạt động thương mại ít nên thị xã còn gặp nhiều khó khăn trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy ngay từ khi thành lập ngân hàng đã đối mặt với nhiều khó khăn thử thách như là nguồn vốn kinh doanh nhỏ, quy mô khách hàng hẹp chủ yếu là các hộ sản xuất làm nông nghiệp, trình độ nhận thức của khách hàng còn rất hạn chế. Vì vậy việc đầu tư tín dụng của ngân hàng chứa đựng không ít rủi ro, nợ quá hạn ngày càng gia tăng. Tuy nhiên để tạo được bước chuyển biến mới cho nền kinh tế, tín dụng hộ sản xuất của các ngân hàng đang đứng trước những thách thức mới, cùng với sự phát triển đi lên là những rủi ro có thể xảy ra, để đạt được kết quả cao hơn đòi hỏi các nhà quản lý nỗ lực đưa ra các giải pháp tốt trong quản lý tín dụng. Vậy phải làm gì để nâng cao chất lượng tín dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên? Đó luôn là câu hỏi được đặt ra trong công tác quản lý tín dụng.

Xuất phát từ những lý luận học tại trường Đại học Dân Lập Hải Phòng và thực tế qua khảo sát cho vay vốn đến từng hộ sản xuất tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên cùng với sự hướng dẫn của Thạc sĩ Hoàng Thị Hồng Lan, em chọn đề tài nghiên cứu : **“Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh - Chi nhánh Quảng Yên”** với mong muốn tìm hiểu và tham gia đóng góp một vài ý kiến về vấn đề này.

2. Mục đích nghiên cứu.

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về hộ sản xuất và vai trò của tín dụng ngân hàng đối với việc phát triển kinh tế hộ sản xuất, qua đó thấy được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng tín dụng Ngân hàng đối với hộ sản xuất.

- Phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại NHNo & PTNT Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên. Từ đó, tìm ra những mặt còn tồn tại, trên cơ sở đó có những giải pháp tháo gỡ khó khăn và nâng cao chất lượng tín dụng Ngân hàng đối với hộ sản xuất, mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị để thực hiện giải pháp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

- Đối tượng nghiên cứu là chất lượng tín dụng của Ngân hàng Thương mại (NHTM).

- Phạm vi nghiên cứu là chất lượng tín dụng hộ sản xuất của NHNo&PTNT Quảng Ninh - chi nhánh Quảng Yên giai đoạn 2010 – 2012.

4. Trong quá trình thực hiện Khóa luận, các phương pháp được sử dụng:

- Phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, phương pháp phân tích và tổng hợp, mô hình hoá...

5. Kết cấu của đề tài.

Ngoài mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, Khóa luận được kết cấu như sau:

Chương 1: Lý luận chung về tín dụng và chất lượng tín dụng ngân hàng đối với kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp.

Chương 2: Thực trạng hoạt động tín dụng đối với kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp tại NHNo&PTNT Quảng Ninh - chi nhánh Quảng Yên.

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất ở NHNo&PTNT Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.

CHƯƠNG 1:
LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÍN DỤNG VÀ CHẤT LƯỢNG TÍN
DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI KINH TẾ HỘ SẢN XUẤT
NÔNG NGHIỆP.

1.1. Kinh tế hộ sản xuất trong nền kinh tế thị trường.

Phát triển kinh tế nông nghiệp ở nông thôn hiện nay giữ một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất nông nghiệp, kinh doanh hàng hóa, phát triển và mở rộng các ngành nghề truyền thống. Hộ sản xuất là một trong những nhân tố quyết định tạo ra của cải vật chất cho xã hội, làm phong phú và đa dạng hóa trong nông nghiệp. Hộ sản xuất là đơn vị sản xuất hàng hóa tự chủ tiến hành sản xuất trong điều kiện tự nhiên, phải tham gia cạnh tranh với nhiều thành phần kinh tế trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Ngày nay, kinh tế hộ đã và đang phát triển, tự chủ trong sản xuất kinh doanh và đã phát huy được tính năng động sáng tạo như thay đổi cơ cấu sản xuất, thay đổi cơ cấu đầu tư, mạnh dạn đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao, hàng hóa sản xuất ra ngày càng phong phú.

Khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường công nhận sự ra đời và tồn tại của nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế nói chung và kinh tế hộ nông dân nói riêng muốn sản xuất kinh doanh dịch vụ đòi hỏi tư liệu sản xuất, vật tư, tiền vốn phải luôn đổi mới và mở rộng, cải thiện trang thiết bị,... mặt hàng mới sản xuất luôn phải phù hợp với nhu cầu và thị hiếu người tiêu dùng. Muốn đổi mới sản xuất kinh doanh cần phải có vốn đầu tư. Nhu cầu vốn này bản thân người sản xuất không thể đáp ứng mà cần phải có sự hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức tín dụng, ngân hàng.

Trước nhu cầu cấp thiết của nền kinh tế, đầu tư vốn tới các hộ sản xuất ở nông thôn, nguồn vốn cho vay của ngân hàng là một trong những nguồn bổ sung vốn thiếu cho hộ sản xuất trong quá trình sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Vốn tín dụng tạo điều kiện cho các hộ sản xuất phát triển các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi cải tạo cây con giống cho năng suất cao, giá trị lớn, cũng như tạo điều kiện mở rộng sản xuất các ngành nghề truyền thống, giải quyết

việc làm cho người lao động, cải thiện đời sống người dân. Vốn tín dụng đã đến với tất cả các loại hộ sản xuất.

1.1.1. Khái niệm hộ sản xuất.

Theo nghị định 14/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ thì Hộ sản xuất (HSX) bao gồm: Các hộ nông dân, hộ tư nhân, cá thể, công ty cổ phần, các tổ chức hợp tác. Các Doanh nghiệp nhà nước (DNNN), thành viên của Hợp tác xã (HTX), tập đoàn sản xuất của các Doanh nghiệp nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn.

Như vậy hộ sản xuất theo nghị định 14/CP bao gồm nhiều loại hình sở hữu. Trong đó có cả sở hữu Nhà nước.

Hộ sản xuất là một đơn vị kinh tế tự chủ trực tiếp hoạt động, sản xuất kinh doanh là chủ thể trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của mình.

Trên góc độ ngân hàng: “*Hộ sản xuất*” là một thuật ngữ được dùng trong hoạt động cung ứng vốn tín dụng cho hộ gia đình để làm kinh tế chung của cả hộ. Hiện nay, trong các văn bản pháp luật ở Việt Nam, hộ được xem như một chủ thể trong các quan hệ dân sự do pháp luật quy định và được định nghĩa là một đơn vị mà các thành viên có hộ khẩu chung. Một số thuật ngữ khác được dùng để thay thế thuật ngữ “hộ sản xuất” là “hộ”, “hộ gia đình”.

1.1.2. Phân loại kinh tế hộ sản xuất.

Ở khu vực nông thôn, kinh tế hộ sản xuất là một lĩnh vực tương đối rộng và giàu tiềm năng nên sẽ tạo điều kiện rất tốt cho ngân hàng nếu biết tiếp cận và khai thác đúng hướng. Chính vì vậy vấn đề đặt ra cho ngân hàng là với số lượng hộ sản xuất đông đảo và đa dạng như vậy thì cần phải tìm cách phân loại hộ sản xuất, tức là phân loại khách hàng để từ đó ngân hàng có cơ sở để hoạt động tín dụng cho hợp lý, có hiệu quả. Có thể phân loại hộ sản xuất theo các tiêu thức sau:

- *Phân loại hộ sản xuất theo mức thu nhập có 3 nhóm:*

Nhóm 1: Hộ sản xuất giàu và khá.

Đó là hộ sản xuất có mức thu nhập cao và ổn định, có vốn, có khả năng lao động và biết tiếp cận với môi trường kinh doanh. Nhu cầu vay vốn của nhóm này là để mở rộng tăng quy mô sản xuất hiện có.

Nhóm 2: Hộ sản xuất trung bình.

Đó là những hộ có mức thu nhập trung bình, có sức lao động, có tay nghề, cần cù chịu khó nhưng thiếu vốn. Nhu cầu vay vốn của nhóm này chủ yếu là để đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất công nghệ để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh nâng cao cuộc sống.

Nhóm 3: Hộ sản xuất nghèo và đói.

Đó là những hộ có mức thu nhập thấp và rất thấp, có thể là do sức lao động hạn chế (tai nạn, ốm đau...), đông nhân khẩu, làm không đủ ăn, gặp rủi ro trong kinh doanh như gặp phải dịch bệnh, thiên tai lũ lụt, hạn hán... Đối với nhóm này bên cạnh nguồn vốn ngân hàng cho vay thì cần phải có nguồn vốn khác hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương... Với mục đích cho vay chủ yếu là giúp hộ ổn định cuộc sống nâng cao dần thu nhập, từ đó tiến tới xóa đói giảm nghèo và chỉ có ổn định đời sống thì mới có thể tiến hành sản xuất kinh doanh. Bởi vậy khi đối tượng này vay vẫn cần phải hướng dẫn cho họ cách sử dụng vốn sao cho có hiệu quả.

- *Phân loại hộ sản xuất theo tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh.*

Hộ loại 1: Là loại hộ chuyên sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp.

Có tính chất tự sản xuất, tự tiêu thụ, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh như hộ cá thể, hộ tư nhân là kinh tế gia đình, các hộ là những thành viên nhận khoán của các tổ chức kinh tế hợp tác, các doanh nghiệp nhà nước. Phương thức sản xuất chủ yếu là lương thực, thực phẩm, cây ăn quả, thủy hải sản. Hộ loại này chiếm đại bộ phận khoảng 90%.

Hộ loại 2: Là hộ kinh doanh theo luật định ở nông thôn.

Bao gồm: những hộ tư nhân, hoặc hộ là nhóm sản xuất theo một nhóm người hoặc hợp tác xã, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có điều kiện sau:

- Có giấy phép kinh doanh.
- Có vốn điều lệ.

- *Phân loại hộ sản xuất theo ngành nghề.*

Loại 1: Hộ sản xuất ngành nông nghiệp.

Loại 2: Hộ sản xuất ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Loại 3: Hộ sản xuất ngành thủy, hải sản.

Loại 4: Hộ sản xuất ngành thương nghiệp dịch vụ.

Loại 5: Hộ sản xuất ngành nghề khác.

1.1.3. Đặc điểm kinh tế hộ sản xuất.

Kinh tế HSX có đặc điểm riêng biệt không giống những đơn vị kinh tế khác. Trong cấu trúc nội tại của HSX, các thành viên của hộ gắn bó chặt chẽ giữa việc sở hữu, quản lý và sử dụng các yếu tố sản xuất; thống nhất giữa quá trình sản xuất, trao đổi, phân phối và sử dụng tiêu dùng trong một đơn vị kinh tế.

- Trong quá trình đó có mối quan hệ chặt chẽ với các đơn vị khác và với hệ thống kinh tế quốc dân. Trong HSX, chủ hộ vừa là người quản lý điều hành sản xuất, vừa là người trực tiếp lao động nên các thông tin được xử lý nhanh, kịp thời, các quyết định điều hành sản xuất đúng đắn.

- Kinh tế hộ nhìn chung là sản xuất nhỏ mang tính tự cấp, tự túc hoặc sản xuất hàng hóa với năng suất lao động thấp nhưng lại có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp ở các nước đang phát triển, đặc biệt là nước ta.

- Sản xuất hộ thường phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, theo thời vụ và là sản xuất nhỏ, lẻ mang tính tổng hợp có chu kỳ sản xuất đan xen lẫn nhau.

- Trình độ sản xuất, trình độ văn hóa và ý thức pháp luật hạn chế. Phần lớn HSX có trình độ sản xuất mang tính truyền thống, thủ công, canh tác theo tập quán, có áp dụng khoa học nhưng ở mức độ hạn chế so với thành phần kinh tế khác. Trình độ văn hóa nhận thức pháp luật, hiểu biết pháp luật,... cũng hạn chế, ở một số vùng xa thành phố, xa đô thị chủ yếu là đồng

bào dân tộc nhiều chủ HSX cũng không biết chữ. Do đó, đây cũng là đặc điểm không thuận lợi trong quan hệ tín dụng với Ngân hàng.

- Tài sản sở hữu của hộ gia đình có giá trị thấp, phần lớn các hộ sản xuất là ở nông thôn thì tài sản của hộ là nhà ở, đất canh tác, cây trồng vật nuôi, công cụ sản xuất phương tiện... đây cũng là đặc điểm hạn chế nhiều trong việc vay vốn Ngân hàng, trong việc phát triển kinh tế HSX.

1.1.4. Vai trò của hộ sản xuất đối với nền kinh tế và xã hội.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, dân số khoảng 70% là sản xuất nông nghiệp với hơn 15 triệu hộ nông dân sống ở các khu vực nông thôn. Đã có hơn 1,5 triệu hộ nông dân sản xuất giỏi, trên 117 nghìn trang trại với nhiều quy mô sản xuất kết hợp.

Theo thống kê năm 2012, nguồn lao động trong nông thôn chiếm trên 70% lao động trong cả nước và nông nghiệp nông thôn là một vấn đề chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt với Đảng và Nhà nước để đưa nước ta đi lên, góp phần thực hiện mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, Xã hội công bằng, văn minh". Đó là một trong những yếu tố để khởi động và phát huy tiềm năng đất đai, lao động và các nguồn lợi tự nhiên khác nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược nông nghiệp trong dự thảo văn kiện đại hội lần thứ XI của đảng về phương hướng phát triển nông nghiệp và nông thôn 2010- 2020 và kế hoạch 5 năm 2010- 2015.

Sản xuất nông nghiệp đã góp gần 70% tổng sản phẩm xã hội góp phần lớn đưa tổng sản lượng GDP tăng, tăng trưởng kinh tế.

Từ những nhận thức như trên, có thể thấy được sản xuất nông nghiệp Việt Nam là cực kỳ quan trọng. Và cũng từ đó ta lại khẳng định được vai trò của kinh tế hộ sản xuất đã và đang đóng một vị trí hết sức quan trọng trong nền kinh tế nói chung và trong nông nghiệp nói riêng.

• Hộ sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

Nước ta là nước có nguồn lao động dồi dào, 3/4 hoạt động ở khu vực nông thôn. Kinh tế HSX góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Khi được công nhận mỗi hộ gia đình là một hộ sản xuất tự chủ về nhiều phương diện. Với phương châm tự khắc phục, tự cứu lấy mình, tự làm ra sản phẩm để nuôi chính mình. Các hộ sản xuất có một động lực rất mạnh mẽ để giải quyết việc làm thì họ thường tận dụng được những điều kiện vật chất có sẵn để kết hợp với sức lao động để tạo ra sản phẩm.

Kinh tế hộ sản xuất có một ưu thế là: mức đầu tư cho một lao động thấp, nhất là trong nông nghiệp do cấu tạo hữu cơ thấp, quy mô nhỏ. Qua kết quả nghiên cứu năm 2012 cho thấy:

- Vốn đầu tư cho một HSX là 5,3 triệu đồng /1 lao động/ 1 việc làm.
- Vốn đầu tư cho xí nghiệp tư nhân là 10 triệu đồng /1 lao động/ 1 việc làm.
- Đối với kinh tế quốc doanh địa phương là 30 triệu đồng /1 lao động/1 việc làm (mới tính tài sản cố định chứ chưa kể vốn lưu động).

Như vậy chi phí vốn cho một lao động ở nông thôn là ít tốn kém nhất. Đây là một điều kiện thuận lợi khi nền kinh tế nước ta còn nghèo, ít vốn tích lũy.

Kinh tế hộ phát triển nó thu hút nhiều tầng lớp lao động trong xã hội, trước hết là lực lượng lao động dư thừa trong nông thôn.

Mặt khác, kinh tế hộ sản xuất còn tận dụng được nguồn tài nguyên: đất đai, tiền vốn... Bởi vì khi đất đai, rừng, biển, ao hồ...thuộc phạm vi quản lý của các đơn vị quốc doanh hay tập thể thì khả năng tận dụng để khai thác còn rất hạn chế. Khi nhà nước giao quyền sử dụng về gia đình thì khả năng khai thác được tận dụng triệt để và hợp lý do đó mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo môi trường, môi sinh lành mạnh.

• ***Hộ sản xuất có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường thúc đẩy sản xuất hàng hóa.***

Kinh tế hộ với quy mô nhỏ song lại rất linh hoạt để thích ứng với nền kinh tế thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao so với kinh tế quốc doanh và các kinh tế cùng loại ngành nghề.

Đặc trưng của cơ chế thị trường là: tự do cạnh tranh trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm hàng hoá. Là đơn vị kinh tế độc lập, các hộ sản xuất hoàn toàn được làm chủ các tư liệu sản xuất và quá trình sản xuất, căn cứ vào tình hình của mình và nhu cầu của thị trường để chủ động sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào?... Hộ sản xuất có thể dễ dàng quyết định được mục tiêu có hiệu quả cao nhất mà không phải thông qua cấp trung gian quyết định. Với quy mô vừa, nhỏ HSX có thể dễ dàng loại bỏ việc sản xuất mà sản phẩm không mang tính cấp thiết cho nhu cầu thị trường để sản xuất hàng hoá mà thị trường đang cần.

HSX là chủ thể kinh tế được tự do tham gia trên thị trường hoà nhập vào thị trường thích ứng với các quy luật kinh tế của thị trường. Do đó các HSX đã từng bước cải tiến mình cho phù hợp với hoạt động trên thị trường để theo đuổi mục tiêu lợi nhuận. Các HSX phải học tập chế độ hoạch toán kinh tế, quen dần với hoạch toán kinh tế tài chính. Hộ sản xuất phải có kế hoạch tính toán cụ thể để mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Như vậy hộ sản xuất có khả năng phát triển ngày càng thích ứng với cơ chế thị trường có khả năng đáp ứng ngày càng cao và đầy đủ nhu cầu của thị trường, nhu cầu chung của xã hội. Chính hộ sản xuất là lực lượng thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất hàng hoá ở nước ta phát triển.

• Hộ sản xuất là cầu nối trung gian để chuyển nền kinh tế tự nhiên sang kinh tế hàng hoá.

Lịch sử phát triển sản xuất hàng hoá đã trải qua giai đoạn đầu tiên là kinh tế tự nhiên sang kinh tế hàng hoá nhỏ trên quy mô hộ gia đình, tiếp theo là giai đoạn chuyển biến từ kinh tế hàng hoá nhỏ lên kinh tế hàng hoá quy mô lớn, đó là nền kinh tế hoạt động mua bán trao đổi bằng trung gian tiền tệ.

Bước chuyển từ kinh tế tự nhiên sang kinh tế hàng hoá nhỏ trên quy mô hộ gia đình là một giai đoạn lịch sử mà chưa trải qua thì khó có thể phát triển sản xuất hàng hoá quy mô lớn giải thoát khỏi tình trạng nền kinh tế kém phát triển.

1.2. Vai trò của tín dụng Ngân hàng Thương mại đối với sự phát triển kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

1.2.1. Khái niệm về tín dụng, tín dụng hộ sản xuất.

“Tín dụng” xuất phát từ chữ Latin là Creditum có nghĩa là tin tưởng, tín nhiệm. Tiếng Anh là Credit. Tín dụng là một phạm trù kinh tế và nó cũng là sản phẩm của nền kinh tế hàng hóa. Tín dụng ra đời, tồn tại qua nhiều hình thái kinh tế - xã hội. Trong thời kì xuất hiện trao đổi hàng hóa, tín dụng được thực hiện dưới hình thức vay mượn bằng hiện vật – hàng hóa. Về sau, tín dụng đã chuyển sang hình thức vay mượn bằng tiền tệ. Thực chất, tín dụng là biểu hiện mối quan hệ kinh tế gắn liền với quá trình tạo lập và sử dụng quỹ tín dụng nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu vốn tạm thời cho quá trình tái sản xuất và đời sống, theo nguyên tắc hoàn trả.

Theo khoản 14 và khoản 16, điều 4 Luật các tổ chức tín dụng (Luật số 47/2010/QH12) quy định:

“*Cấp tín dụng* là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng các nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ khác”.

“*Cho vay* là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi”. Tín dụng ngân hàng là quan hệ tín dụng phát sinh giữa các ngân hàng, các tổ chức tín dụng với các đối tác kinh tế - tài chính của toàn xã hội, bao gồm doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước.

“*Tín dụng hộ sản xuất* là quan hệ tín dụng ngân hàng giữa một bên là ngân hàng với một bên là hộ sản xuất”. Thông thường, đối với hộ sản xuất ở nông thôn thì NHTM thường sử dụng phân loại tín dụng theo thời hạn cho vay và theo tài sản đảm bảo.

a) Dựa theo thời hạn cho vay thì chia làm các loại sau:

- *Cho vay ngắn hạn:* Là loại cho vay có thời hạn ≤ 12 tháng là được sử dụng để bù đắp sự thiếu hụt vốn lưu động của doanh nghiệp và các nhu cầu chi tiêu ngắn hạn của cá nhân.

- *Cho vay trung hạn*: Là loại cho vay có thời hạn trên 12 tháng đến 5 năm. Tín dụng trung dài hạn chủ yếu được sử dụng để đầu tư mua sắm tài sản cố định, cải tiến hoặc đổi mới thiết bị công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng các dự án mới có quy mô nhỏ và thời gian thu hồi vốn nhanh. Trong nông nghiệp chủ yếu cho vay trung dài hạn để đầu tư vào các đối tượng sau: Máy cày, máy bơm nước, xây dựng các vườn cây công nghiệp như cà phê, cao su, chè, điều... cho vay trung hạn còn là nguồn hình thành vốn lưu động thường xuyên của các doanh nghiệp đặc biệt là những doanh nghiệp mới thành lập.

- *Cho vay dài hạn*: Là loại cho vay có thời hạn trên 5 năm, được sử dụng để cấp vốn cho xây dựng cơ bản, đầu tư xây dựng các xí nghiệp mới, các công trình thuộc cơ sở hạ tầng, cải tiến và mở rộng sản xuất với quy mô lớn. Loại cho vay này có mức độ rủi ro rất lớn vì trong thời gian dài có những biến động xảy ra là không lường trước được.

b) Dựa theo tài sản bảo đảm.

- *Cho vay không có bảo đảm*: Là loại cho vay không có tài sản thế chấp, cầm cố hoặc sự bảo lãnh của người thứ ba, mà việc cho vay chỉ dựa vào uy tín của bản thân khách hàng.

- *Cho vay có bảo đảm*: Là loại cho vay dựa trên cơ sở các bảo đảm như tài sản thế chấp hay cầm cố, hoặc bảo lãnh của bên thứ ba.

1.2.2. Vai trò tín dụng ngân hàng đối với sự phát triển kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

Để thúc đẩy nông thôn nước ta phát triển, vốn tín dụng ngân hàng đóng vai trò hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay và mai sau. Nông thôn và nông dân đang rất thiếu vốn để phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề và dịch vụ. Vì vậy đối với việc phát triển kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp, tín dụng Ngân hàng có những vai trò chủ yếu sau.

• *Tín dụng ngân hàng góp phần hình thành thị trường tài chính ở nông thôn.*

Nước ta là một nước nông nghiệp với khoảng 70% dân số ở nông thôn, với 15 triệu hộ sản xuất Nông - Lâm - Ngư nghiệp đã sản xuất ra gần

50% tổng sản phẩm xã hội. Chuyên nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá thì vấn đề đặt ra là phải hình thành thị trường đồng bộ ở nông thôn vì đây là một địa bàn rộng lớn, nơi có sức mua và tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ của công nghiệp, vừa là nơi cung ứng sản phẩm hàng hoá, nông sản cho tiêu dùng cả nước, nguyên liệu cho chế biến và là nơi cung cấp nguồn lao động dồi dào cho nền kinh tế quốc dân. Vì vậy, việc hình thành thị trường tài chính ở nông thôn là một đòi hỏi bức xúc nhằm tạo động lực cho sự phát triển.

Thị trường tài chính nông thôn bao gồm thị trường vốn và hoạt động tín dụng cho nên tín dụng ngân hàng là cầu nối trung gian giữa người cần vốn và người cung ứng vốn, nhằm phục vụ cho quá trình sản xuất và lưu thông hàng hoá. Trong phạm vi khác nhau có thể có vùng, khu vực cần vốn và có khu vực khác thì chưa cần vốn, cho nên tín dụng cần phải điều hoà giữa nơi thừa và nơi thiếu vốn. Trong việc điều hoà vốn này, hệ thống Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn có nhiều khả năng hơn vì nó có mạng lưới kinh doanh rộng khắp ở các vùng nông thôn với hệ thống chi nhánh tới từng huyện, xã và thôn xóm trong cả nước.

• Tín dụng ngân hàng thúc đẩy quá trình huy động vốn trong nền kinh tế đáp ứng nhu cầu vốn cho hộ sản xuất nhằm phát triển và mở rộng sản xuất hàng hoá.

Để đáp ứng nhu cầu về vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh của hộ sản xuất, Ngân hàng là tổ chức có vai trò to lớn trong việc huy động nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi trên nền kinh tế. Việc tập trung vốn đó với số lượng vốn đủ lớn để đáp ứng nhu cầu thiếu hụt về vốn cho hộ sản xuất. Chính vai trò đó mà Tín dụng Ngân hàng đã điều hoà vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp cho người lao động. Đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ sản xuất diễn ra kịp thời và đúng thời vụ và hộ sản xuất có điều kiện hơn trong việc chuyên môn hoá sản xuất làm tăng năng suất lao động. Đồng thời quá trình luân chuyển

vốn diễn ra theo một trình tự nhất định. Do đó để có đủ vốn cho việc mua sắm vật tư, máy móc thiết bị kỹ thuật nhằm phục vụ cho sản xuất thì vai trò của Ngân hàng được thể hiện rõ hơn. Bởi vì lượng vốn tự có của kinh tế hộ sản xuất chưa đủ lớn để đáp ứng quá trình đó. Sự đầu tư kịp thời của Ngân hàng nhằm duy trì sự liên tục và quay vòng vốn kinh doanh của hộ sản xuất, nhằm thay đổi cơ cấu kinh tế nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội.

• ***Tín dụng ngân hàng góp phần hạn chế cho vay nặng lãi ở nông thôn.***

Vùng nông thôn là vùng sản xuất đáp ứng nhu cầu cần thiết của xã hội, đang trong quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá và là các ngành chịu sự tác động mạnh nhất của thiên nhiên, cơ sở hạ tầng của nó cần có đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn dài... cần được tín dụng ưu đãi.

Đối với hộ nông dân, kết quả của hộ trông chờ trên từng mảnh đất họ canh tác, rủi ro rất lớn. Ở nông thôn trước đây số lượng lớn các hợp tác xã tín dụng cùng các tổ chức cho vay nặng lãi, góp vốn, đóng hội phát triển mạnh.

Nói chung, tín dụng Ngân hàng có vai trò cực kỳ to lớn đối với hộ sản xuất. Để vốn tín dụng Ngân hàng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vay của các hộ sản xuất, các Ngân hàng Thương mại nói chung, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng phục vụ người nghèo nói riêng phải hoàn thiện mạng lưới tổ chức và biện pháp nghiệp vụ để đáp ứng kịp thời đầy đủ nhu cầu vốn cho các hộ sản xuất.

1.3. Chất lượng tín dụng, ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng tín dụng.

1.3.1. Chất lượng tín dụng.

Tín dụng là phạm trù kinh tế mang tính chất lịch sử, ra đời và tồn tại trong nền kinh tế sản xuất và trao đổi hàng hoá. Nó là một trong những sản phẩm chính của ngân hàng và sản phẩm này chỉ có thể đánh giá được sau khi khách hàng đã sử dụng. Vậy, chất lượng tín dụng là gì?

Ta có thể hiểu chất lượng tín dụng ngân hàng là sự đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng trong quan hệ tín dụng, đảm bảo an toàn hoặc hạn chế rủi

ro về vốn, tăng lợi nhuận ngân hàng, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

- *Đối với Ngân hàng thương mại*: phạm vi mức độ giới hạn tín dụng phải phù hợp với thực lực của bản thân Ngân hàng, đảm bảo được nguyên tắc hoàn trả đúng kỳ hạn và có lãi của tín dụng, hạn chế mức thấp nhất mức rủi ro trong quá trình hoạt động và cạnh tranh trên thương trường, mang lại lợi nhuận và đảm bảo thanh toán cho Ngân hàng.

- *Đối với khách hàng* : tín dụng phát ra phải phù hợp với mục đích sử dụng của khách hàng với lãi suất và kỳ hạn hợp lý, thủ tục đơn giản, thu hút được nhiều khách hàng, nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc tín dụng.

- *Đối với sự phát triển kinh tế xã hội*: tín dụng phục vụ sản xuất và lưu thông hàng hóa, góp phần giải quyết việc làm, khai thác khả năng tiềm tàng trong nền kinh tế, thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung sản xuất, giải quyết tốt các quan hệ tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng kinh tế.

Như vậy, có thể nói: Chất lượng tín dụng là một chỉ tiêu tổng hợp, phản ánh mức độ thích nghi của Ngân hàng thương mại với sự thay đổi của môi trường bên ngoài, thể hiện sức mạnh của Ngân hàng thương mại trong quá trình cạnh tranh để tồn tại. Để có chất lượng tín dụng thì hoạt động tín dụng phải có hiệu quả và quan hệ tín dụng phải được thiết lập trên cơ sở tin cậy và uy tín của ngân hàng trong hoạt động, hay nói cách khác chất lượng tín dụng tỷ lệ thuận với hiệu quả và độ tin cậy trong hoạt động. Hiểu đúng bản chất và phân tích đánh giá đúng chất lượng, cũng như xác định chính xác những nguyên nhân những tồn tại của tín dụng, sẽ giúp ngân hàng tìm được biện pháp thích hợp để có thể đứng vững trong nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh gay gắt.

1.3.2. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại ngân hàng thương mại.

Hiện nay, tín dụng vẫn chiếm khoảng 60% - 70% trong tổng tài sản có của các NHTM. Vì thế sự tồn tại và phát triển của các ngân hàng phụ thuộc rất nhiều vào tín dụng và chất lượng tín dụng. Trên cơ sở chức năng, nhiệm

vụ của NHNo&PTNT Việt Nam, HSX được xác định là khách hàng chính của NHNo& PTNT. Trong quá trình cung ứng sản phẩm của mình cho hộ sản xuất, một việc làm quan trọng và cần thiết là đánh giá được chất lượng của sản phẩm cung ứng, cụ thể là chất lượng tín dụng hộ sản xuất nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi ích của ngân hàng và khách hàng. Việc đánh giá này phải thông qua các chỉ tiêu đánh giá chất lượng cụ thể sau:

a) Chỉ tiêu định tính.

- *Đảm bảo nguyên tắc cho vay.*

Bất kỳ một tổ chức kinh tế nào để được thành lập và đi vào hoạt động cũng phải dựa trên những nguyên tắc nhất định. NHTM là một tổ chức kinh tế đặc biệt, hoạt động của nó có ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước. Do vậy, hoạt động của NHTM chịu sự quản lý giám sát rất chặt chẽ của Nhà nước và với mỗi hình thức hoạt động sẽ có các nguyên tắc khác nhau.

Để đánh giá chất lượng một khoản vay, điều đầu tiên phải xem xét là khoản cho vay đó có đảm bảo nguyên tắc cho vay hay không. Theo quyết định 1627/QĐ ngày 15/01/2002, tại *Điều 6 Nguyên tắc vay vốn ghi rõ*: Khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng phải đảm bảo hai nguyên tắc cơ bản để cho vay là:

- *Thứ nhất*: Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

- *Thứ hai*: Hoàn trả đầy đủ cả gốc lẫn lãi đúng hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

- *Cho vay đảm bảo có điều kiện.*

Cũng theo quyết định 1627/QĐ-CP, tại *Điều 7 điều kiện vay vốn ghi rõ*: Tổ chức tín dụng xem xét và quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau:

- *Một là*: có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

- *Hai là*: khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết. Hộ sản xuất vay vốn phải có vốn tự có tham gia vào dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Hộ sản xuất kinh doanh phải có hiệu quả, không có nợ quá hạn trên 6 tháng với ngân hàng.

- *Ba là*: Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp, không phạm pháp luật, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

- *Bốn là*: Hộ sản xuất có dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả.

- *Năm là*: Hộ sản xuất thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay theo Nghị định số 41/2010/NĐ – CP của thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn thay thế quyết định 67/1999/QĐ – TTg.

+ Đối với hộ vay đến 50 triệu đồng không phải thế chấp tài sản.

+ Đối với hộ vay trên 50 triệu đồng phải thực hiện đảm bảo tiền vay bằng tài sản, quyền sử dụng đất (bao gồm cả công trình, giá trị cây lâu năm, thủy hải sản nuôi trồng đã đến kỳ thu hoạch gắn liền với đất).

• *Bảo đảm cho vay đúng đối tượng.*

NHNo & PTNT cho vay các đối tượng sau:

- Cho vay ngắn hạn: Là các khoản cho vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng. Cho vay ngắn hạn để bù đắp các chi phí như mua vật tư, chi phí trồng trọt, chăn nuôi (hạt giống, phân bón, thuốc trừ sâu) Với ngành nghề khác như: chế biến nông, lâm, thủy hải sản. Hay cho vay để mua nguyên vật liệu, công cụ lao động nhỏ dùng trong sản xuất.

- Cho vay trung hạn: Là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng. Cho vay trung dài hạn để bù đắp các chi phí như thanh toán chi phí khai khoáng, xây dựng cơ bản đồng ruộng, cho vay đổi mới cây trồng trong các vùng chuyên canh, chi phí chăm sóc cây dài ngày.

- Cho vay dài hạn: Là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 60 tháng. Đối tượng cho vay áp dụng như cho vay trung hạn nhưng tùy thuộc vào nguồn vốn để cho vay.

- *Quy trình thẩm định*

Quy trình thẩm định là chỉ tiêu định tính quan trọng nhất quyết định tới chất lượng tín dụng, quá trình thẩm định là cách tốt nhất để ngân hàng nắm được thông tin về khách hàng, về năng lực pháp luật, đạo đức của khách hàng, về tình hình tài chính của khách hàng, khả năng trả nợ của khách hàng. Đây chính là khâu không thể thiếu trong quá trình quyết định cho vay và theo dõi khoản vay. Quá trình thẩm định phải tuân theo các quy định về các quy trình thẩm định và các nội dung thẩm định cho vay của từng Ngân hàng. Một khoản cho vay có chất lượng là khoản cho vay được thẩm định và phải đảm bảo các bước của quá trình thẩm định được tuân theo một trình tự như quy định. Do tính chất phức tạp đối với việc cung cấp tín dụng cho hộ sản xuất nên việc tuân thủ quy trình thẩm định và nội dung thẩm định cho vay là nội dung bắt buộc để một khoản cho vay đạt chất lượng.

- *Tinh thần thái độ phục vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ tín dụng.*

Khi cho vay, nếu cán bộ tín dụng có tinh thần thái độ, đạo đức nghề nghiệp tốt thì trong quá trình tiếp cận phục vụ khách hàng sẽ tạo cho khách hàng niềm tin và tạo một hình ảnh tốt trong mỗi khách hàng. Năng lực trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của cán bộ tín dụng có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng các món vay. Với năng lực trình độ chuyên môn và kinh nghiệm cao thì khi thẩm định cho vay sẽ đưa ra được những quyết định đúng đắn, có hiệu quả, khả năng rủi ro thấp.

- *Cơ sở vật chất, công nghệ hiện đại của ngân hàng cũng ảnh hưởng tích cực đến chất lượng tín dụng.*

Một cơ sở tốt có ảnh hưởng tốt tới tâm lý khách hàng, phục vụ cho các hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng một cách chính xác và nhanh nhất, một cơ sở vật chất tốt sẽ hứng khởi cho chính cán bộ tín dụng thực hiện tốt công việc của mình. Việc ứng dụng các công nghệ hiện đại giúp cho ngân hàng có thể tiếp cận được những thông tin phục vụ cho công tác thẩm định tốt nhất trên các mặt thông tin về khách hàng, thông tin về dự án (tính hiệu quả của dự án, xu hướng phát triển đối với sản phẩm của dự án, giá cả, cạnh tranh...), thông

tín về thị trường một cách nhanh chóng và chuẩn xác nhất, thông tin quản lý đối với các khách hàng lớn vay vốn của nhiều tổ chức tín dụng. Độ tin cậy của các thông tin này là yếu tố trước tiên để cán bộ tín dụng ra quyết định cho vay và ảnh hưởng rất lớn đến độ an toàn của món vay.

b) Chỉ tiêu định lượng:

$$\text{Chỉ tiêu 1:} \quad \frac{\text{Dư nợ bình quân HSX}}{\text{Doanh số cho vay HSX}} = \frac{\text{Doanh số cho vay HSX}}{\text{Tổng số HSX vay vốn}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền vay của mỗi lượt HSX. Số tiền vay càng cao chứng tỏ hiệu quả cho vay tăng lên, thể hiện sức sản xuất cũng như quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của HSX tăng lên.

$$\text{Chỉ tiêu 2:} \quad \frac{\text{Tỷ lệ cho vay trung hạn HSX}}{\text{HSX}} = \frac{\text{Dư nợ cho vay trung hạn HSX}}{\text{Tổng dư nợ cho vay HSX}}$$

Tỷ lệ này phản ánh mức độ đáp ứng nhu cầu vốn trung hạn của HSX để mở rộng SXKD. Theo đánh giá tỷ lệ tối thiểu là 30% tổng dư nợ (mục tiêu của NHNo&PTNT Việt Nam).

$$\text{Chỉ tiêu 3:} \quad \frac{\text{Tỷ lệ tăng trưởng dư nợ HSX (\%)}}{\text{Dư nợ HSX năm trước}} = \frac{(\text{Dư nợ HSX năm nay} - \text{Dư nợ HSX năm trước}) * 100\%}{\text{Dư nợ HSX năm trước}}$$

Chỉ tiêu này dùng để so sánh sự tăng trưởng dư nợ tín dụng HSX qua các năm để đánh giá khả năng cho vay, tìm kiếm khách hàng và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng của ngân hàng. Chỉ tiêu này càng cao thì mức độ hoạt động của ngân hàng càng hiệu quả, ngược lại ngân hàng đang gặp khó khăn, nhất là trong việc tìm kiếm khách hàng HSX và thể hiện việc thực hiện kế hoạch tín dụng chưa hiệu quả.

$$\text{Chỉ tiêu 4:} \quad \frac{\text{Vòng quay vốn tín dụng HSX}}{\text{Doanh số thu nợ HSX}} = \frac{\text{Doanh số thu nợ HSX}}{\text{Dư nợ bình quân}}$$

Đây là chỉ tiêu quan trọng xem xét chất lượng hoạt động tín dụng HSX phản ánh tần suất sử dụng vốn. Vòng quay càng lớn với dư nợ luôn tăng chứng tỏ đồng vốn ngân hàng bỏ ra đã được sử dụng một cách có hiệu quả, tiết kiệm chi phí, tạo lợi nhuận cho ngân hàng.

$$\text{Chỉ tiêu 5: } \frac{\text{Tỷ lệ nợ quá hạn}}{\text{HSX}} = \frac{\text{Nợ quá hạn HSX}}{\text{Tổng dư nợ HSX}}$$

Đây là chỉ tiêu quan trọng nhất để đánh giá hiệu quả tín dụng hộ sản xuất và chất lượng tín dụng đầu tư cho vay đối với hộ sản xuất. Dư nợ quá hạn càng nhỏ, tỷ lệ nợ quá hạn thấp, chất lượng tín dụng càng cao. Do vậy, việc đảm bảo thu hồi đủ vốn cho vay đúng hạn, thể hiện qua tỷ lệ NQH thấp là vấn đề quan trọng trong quản lý ngân hàng liên quan đến sự sống còn của ngân hàng.

$$\text{Chỉ tiêu 6: } \frac{\text{Hệ số thu nợ}}{\text{HSX (\%)}} = \frac{\text{Doanh số thu nợ HSX * 100\%}}{\text{Doanh số cho vay HSX}}$$

Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả tín dụng HSX trong việc thu nợ của Ngân Hàng. Nó phản ánh trong một thời kỳ nào đó, với doanh số cho vay nhất định thì ngân hàng sẽ thu về được bao nhiêu đồng vốn. Tỷ lệ này càng cao càng tốt.

Chỉ tiêu 7: Chỉ tiêu doanh số cho vay:

Doanh số cho vay là chỉ tiêu phản ánh quy mô cấp tín dụng của ngân hàng đối với nền kinh tế. Đây là chỉ tiêu phản ánh chính xác, tuyệt đối về hoạt động cho vay trong một thời gian dài, thấy được khả năng hoạt động tín dụng qua các năm.

Chỉ tiêu 8: Tỷ lệ dư nợ/Vốn huy động (%).

Chỉ tiêu này phản ánh ngân hàng cho vay được bao nhiêu so với nguồn vốn huy động của ngân hàng, thể hiện ngân hàng đã chủ động trong việc tích cực tạo lợi nhuận từ nguồn vốn huy động hay chưa. Nếu chỉ tiêu

này lớn hơn 1 thì ngân hàng chưa thực hiện tốt việc huy động vốn, vốn huy động tham gia vào cho vay ít, khả năng huy động vốn của ngân hàng chưa tốt. Nếu chỉ tiêu này nhỏ hơn 1 thì NH chưa sử dụng hiệu quả toàn bộ nguồn vốn huy động, gây lãng phí.

Chỉ tiêu các thông số quy định:

- Ngoài các chỉ tiêu trên thì chất lượng tín dụng còn được đánh giá thông qua việc đảm bảo các quy chế thể lệ tín dụng như cho vay một khách hàng, hệ số an toàn vốn tối thiểu 9%. (theo tiêu chuẩn quốc tế thì tỉ lệ này là 8%, nhưng Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam hiện nay quy định là 9%).

- Giới hạn cho vay một khách hàng: Để đảm bảo khả năng thanh toán, bất cứ một Ngân hàng thương mại nào cũng chỉ được cấp tín dụng cho một khách hàng không quá 15% vốn tự có.

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (hệ số Cook): Tỷ lệ này cho biết một đồng vốn tự có bảo vệ cho bao nhiêu đồng tài sản có rủi ro của Ngân hàng thương mại. Nó được tính bằng công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu} = \frac{\text{Vốn tự có}}{\text{Tổng tài sản có rủi ro quy đổi}}$$

Chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn:

Phân tích cơ cấu cho vay trong tổng nguồn vốn huy động là việc xem xét đánh giá tỷ trọng cho vay đã phù hợp với khả năng đáp ứng của bản thân ngân hàng cũng như đòi hỏi về vốn của nền kinh tế chưa. Trên cơ sở đó, các ngân hàng thương mại có thể biết được khả năng mở rộng tín dụng của mình. Từ đó, có thể quyết định quy mô, tỷ trọng đầu tư vào các lĩnh vực một cách hợp lý để vừa đảm bảo an toàn vốn cho vay, vừa có thể thu lại lợi nhuận cao nhất có thể. Chỉ tiêu này có thể được biểu thị bằng công thức sau:

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn} = \frac{\text{Tổng dư nợ}}{\text{Tổng vốn huy động}}$$

1.3.3. Ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại.

a) Đối với hộ sản xuất.

- Đáp ứng nhu cầu vốn cho hộ sản xuất để duy trì quá trình sản xuất liên tục, góp phần đầu tư phát triển nền kinh tế.

Các hộ sản xuất ngày nay chỉ chuyên môn hoá các loại nông sản hàng hoá có lợi nhất và họ loại dần các loại nông sản phẩm theo kiểu tự cung tự cấp. Các hộ sản xuất bán cho xã hội sản phẩm hàng hoá, đồng thời mua từ thị trường những hàng hoá mà họ cần, để đạt được điều đó các hộ sản xuất cần nhiều vốn để mua vật tư, đầu tư đổi mới kỹ thuật mua sắm máy móc thiết bị trong khi vốn tự có của các hộ còn rất hạn chế, nên các hộ sản xuất cần tới sự giúp đỡ của ngân hàng để sản xuất liên tục.

- Tín dụng ngân hàng là đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy các hộ sản xuất kinh doanh nhanh chóng thích nghi và hội nhập quan hệ quốc tế.

Ngày nay, trong mối quan hệ kinh tế giữa các nước trên thế giới và khu vực đang phát triển rất đa dạng cả về nội dung và hình thức, việc đầu tư ra nước ngoài và kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá là hai lĩnh vực hợp tác quốc tế thông dụng và phổ biến giữa các nước trên thế giới. Bởi vì, vốn là nhân tố tác động đầu tiên cho việc thực hiện quá trình này, nhưng trên thực tế không phải tổ chức kinh tế nào cũng dư vốn để hoạt động.

Do vậy, để hoạt động đòi hỏi phải có một khối lượng về vốn, chính tín dụng ngân hàng sẽ là nguồn tài trợ cho các nhu cầu đó. Ngân hàng với tư cách là một tổ chức kinh tế đặc thù trong kinh doanh tiền tệ, qua hoạt động tín dụng sẽ là trợ thủ đắc lực cung ứng vốn cho các nhà đầu tư và kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá. Cho nên tín dụng ngân hàng đã trở thành một trong những phương tiện để nối liền nền kinh tế các nước với nhau. Đặc biệt các nước đang phát triển thì tín dụng ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng xuất nhập khẩu hàng hoá, đồng thời nhờ nguồn tín dụng bên ngoài để công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

b) Đối với nền kinh tế.

Là công cụ tài trợ cho các ngành kinh tế kém phát triển và các ngành kinh tế mũi nhọn.

Thông qua hệ thống ngân hàng mà cụ thể là hoạt động tín dụng ngân hàng, Nhà nước đã góp phần tài trợ cho các ngành kinh tế kém phát triển bằng việc cho vay ưu đãi với lãi suất thấp, thời gian dài, mức vay lớn. Trong điều kiện nước ta hiện nay, nông nghiệp là ngành sản xuất quan trọng đáp ứng phần lớn nhu cầu cần thiết cho xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng sản xuất hàng hoá ở nông thôn chưa phát triển, kết cấu hạ tầng kém, lại chịu nhiều ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên. Đơn vị sản xuất chủ yếu là kinh tế hộ gia đình với năng suất lao động thấp, ruộng đất, vốn thiếu, phương pháp canh tác, kỹ thuật lạc hậu, khối lượng hàng hoá chưa nhiều. Chính vì vậy, trong giai đoạn tới chính phủ cần tập trung đầu tư, hỗ trợ cho nông nghiệp như việc nâng cấp cơ sở hạ tầng ở nông thôn và các điều kiện, yếu tố cần thiết khác cho sản xuất nông nghiệp như trạm bơm điện, hệ thống thuỷ lợi, cải tiến công cụ lao động.

Ngoài ra, tín dụng ngân hàng còn có vai trò quan trọng trong việc tài trợ cho các ngành kinh tế mũi nhọn để tạo cơ sở thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển như sản xuất hàng xuất khẩu, bưu điện viễn thông, dầu khí...

c) Đối với chính trị - xã hội.

Tín dụng ngân hàng không những đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn có vai trò to lớn về mặt xã hội. Thông qua việc cho vay mở rộng sản xuất đối với các hộ sản xuất đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động đó là một trong những vấn đề cấp bách hiện nay ở nước ta. Có việc làm, người lao động có thu nhập sẽ hạn chế những tiêu cực xã hội. Tín dụng ngân hàng thúc đẩy các ngành nghề phát triển, giải quyết việc làm cho lao động thừa ở nông thôn, hạn chế luồng di dân vào thành phố. thực hiện các ngành nghề này là do các nghề phát triển sẽ làm tăng thu nhập cho người nông dân, đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội tăng lên,

khoảng cách giữa nông thôn và thành thị cùng xích lại gần nhau, hạn chế bớt sự phân hoá bất hợp lý trong xã hội, giữ vững an ninh chính trị.

1.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất.

a) Nhân tố môi trường.

- Sự ổn định và phát triển kinh tế - chính trị- xã hội của quốc gia.

Xét trên phương diện tổng thể nền kinh tế ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng. Khi nền kinh tế ổn định làm cho quá trình sản xuất của các HSX tiến hành và phát triển một cách bình thường, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố lạm phát, khủng hoảng làm việc cho vay và trả nợ không bị biến động lớn. Từ đó làm cho giới hạn tín dụng HSX sẽ trở nên rộng hơn.

Tuy vậy để xã hội tồn tại và phát triển các nước đã sử dụng mức lạm phát vừa phải để tăng trưởng tín dụng, kích thích đầu tư. Nhưng giới hạn tín dụng có ảnh hưởng lớn đến chất lượng tín dụng. Điều này có nghĩa là khi thực hiện mở rộng tín dụng HSX chúng ta phải thực sự chú ý đến việc mở rộng đó có đảm bảo chất lượng tín dụng hay không.

Ngoài ra chính sách kinh tế của Nhà nước để ưu tiên hay hạn chế sự phát triển của một ngành hay một lĩnh vực nào đó nhằm đảm bảo sự cân đối trong nền kinh tế cũng ảnh hưởng tới việc mở rộng tín dụng HSX.

- Môi trường chính trị pháp lý:

Ngân hàng là một trong những ngành phải chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan pháp luật và cơ quan chức năng. Do vậy, việc tạo ra môi trường pháp lý hoàn thiện sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng tín dụng.

Môi trường chính trị ổn định, tạo điều kiện và cơ sở pháp lý để hoạt động tín dụng Ngân hàng, cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ sản xuất tiến hành thuận lợi. Những quy định cụ thể của pháp luật về tín dụng và các lĩnh vực khác có liên quan đến hoạt động tín dụng là cơ sở để xử lý, giải quyết khi xảy ra tranh chấp tín dụng một cách hữu hiệu nhất.

- Môi trường tự nhiên:

Môi trường tự nhiên tác động trực tiếp đến quá trình sản xuất kinh doanh của hộ sản xuất. Nhất là những hộ sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào điều kiện tự nhiên. Nếu "mưa thuận gió hoà" họ sẽ bội thu, sản xuất kinh doanh suôn sẻ thì hộ sản xuất có khả năng tài chính dồi dào trả nợ ngân hàng. Ngược lại, nếu thiên tai bất ngờ xảy ra thì hộ sản xuất sẽ bị thiệt hại lớn về kinh tế, dẫn đến gặp khó khăn trong việc trả nợ Ngân hàng. Diễn biến tự nhiên là bất khả kháng, con người khó có thể đoán trước hay thay đổi được nó.

- Nhân tố xã hội:

Tín dụng Ngân hàng phụ thuộc vào ba yếu tố: nhu cầu của khách hàng, khả năng của Ngân hàng và lòng tin. Vì vậy việc mở rộng cho vay tín dụng HSX phụ vào cả ba yếu tố trên trong đó sự tín nhiệm lẫn nhau là cầu nối quan hệ tín dụng giữa khách hàng và Ngân hàng. Ngân hàng có uy tín càng cao thì sự thu hút với khách hàng càng lớn và ngược lại khách hàng có tín nhiệm với Ngân hàng thì thường được vay vốn dễ dàng hơn... Vì vậy tín nhiệm là cơ sở, là tiền đề, là điều kiện không ngừng để mở rộng tín dụng HSX.

Về phía các HSX: là bên đại diện cho cung về vốn tín dụng, đồng thời cũng đại diện về cầu vốn vay. Với tư cách là người cung ứng vốn họ mong muốn nhận từ Ngân hàng một khoản tiền lãi từ tiền gửi hay những dịch vụ thanh toán thuận lợi. Sự tín nhiệm của khách hàng đối với Ngân hàng sẽ làm tăng thêm tính ổn định của nguồn vốn huy động để đáp ứng nhu cầu của người vay. Với tư cách người đi vay vốn tín dụng họ mong muốn những khoản tín dụng họ vay được từ Ngân hàng đáp ứng đầy đủ về lượng tiền, thời gian, lãi suất được quy định rõ ràng có thể chấp nhận được. Nếu nhu cầu vốn của khách hàng được chấp nhận với thái độ phục vụ ân cần thủ tục gọn nhẹ sẽ thu hút được nhiều khách hàng tốt tạo điều kiện cho hoạt động tín dụng HSX được thuận lợi, từ đó sẽ giúp Ngân hàng mở rộng được tín dụng HSX.

Về phía Ngân hàng: là chủ thể đại diện cho cầu về huy động vốn đồng thời cũng đại diện cho bên cung về cấp tín dụng. Quy mô và phạm vi hoạt

động của tín dụng HSX phụ thuộc vào nguồn vốn tự có của Ngân hàng ngoài ra còn phụ thuộc vào trình độ kỹ thuật, mạng lưới hoạt động và các công cụ quản lý tiền tệ.

b) Nhân tố thuộc về khách hàng:

- Trình độ của khách hàng:

Trình độ của khách hàng bao gồm cả trình độ sản xuất và trình độ quản lý của khách hàng. Với một trình độ sản xuất phù hợp với khả năng quản lý khoa học, khách hàng có thể đạt được kết quả sản xuất kinh doanh tốt, sẽ có khả năng tài chính để trả nợ Ngân hàng nếu như trình độ sản xuất hạn chế thì việc trả nợ ngân hàng là rất khó khăn.

- Khách hàng sử dụng vốn sai mục đích:

Yếu tố này Ngân hàng rất khó kiểm soát từ đầu. Việc sử dụng vốn sai mục đích là ý định của khách hàng, ý định này có thể xuất phát từ khi vay hoặc sau khi đã vay được. Tuy nhiên, việc sử dụng vốn sai mục đích đã vi phạm nguyên tắc cho vay, vì vậy đã ảnh hưởng tới chất lượng tín dụng.

- Lừa đảo Ngân hàng:

Đây là yếu tố thuộc phạm trù đạo đức, khách hàng có ý định lừa đảo ngân hàng để lấy tiền. Đạo đức của khách hàng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng khoản vay. Khoản vay có được sử dụng đúng mục đích hay không, khoản vay có hoàn trả hay không là tùy thuộc vào hành vi đạo đức của khách hàng.

c) Nhân tố thuộc về Ngân hàng:

Quan hệ tín dụng Ngân hàng hiện nay giữa Ngân hàng và khách hàng là vô cùng mật thiết, người ta ví quan hệ này như quan hệ "hôn nhân". Do đó, chất lượng tín dụng Ngân hàng còn phụ thuộc nhiều vào bản thân Ngân hàng.

- Quy trình tín dụng :

Quy trình tín dụng bao gồm những quy định phải thực hiện trong giai đoạn cho vay thu nợ nhằm đảm bảo an toàn vốn, bao gồm các giai đoạn: thẩm định, xét duyệt cho vay, kiểm tra giám sát khách hàng vay và thu hồi nợ

Nếu Ngân hàng làm tốt quá trình này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng tín dụng cho HSX. Ngược lại nếu Ngân hàng làm sai quy trình này thì sẽ dẫn đến khả năng mất vốn một khoản vay làm ảnh hưởng tới chất lượng chung của Ngân hàng.

- Chính sách tín dụng Ngân hàng:

Chính sách tín dụng Ngân hàng là một trong những chính sách sản phẩm quan trọng nhất của Ngân hàng. Chính sách tín dụng của một Ngân hàng thương mại là một hệ thống các biện pháp có liên quan đến việc khuếch trương hoặc hạn chế tín dụng để đạt được mục tiêu đã hoạch định của NHTM và hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn trong kinh doanh.

Một chính sách tín dụng đúng đắn sẽ thu hút được nhiều khách hàng, đảm bảo khả năng sinh lời từ hoạt động tín dụng trên cơ sở phân tán rủi ro, tuân thủ pháp luật, đường lối chính sách và đảm bảo công bằng xã hội. Điều này có nghĩa là chất lượng tài sản tùy thuộc vào việc xây dựng chính sách tín dụng Ngân hàng có đúng đắn hay không. Bất cứ một Ngân hàng nào muốn đảm bảo an toàn trong hoạt động của mình đều phải buộc có chính sách tài sản rõ ràng, thích hợp và điều đó cũng có nghĩa là việc mở rộng tín dụng Ngân hàng buộc phải phụ thuộc vào chính sách tài sản hay chính sách tín dụng của Ngân hàng đó.

Có chính sách tín dụng đúng đắn sẽ đưa ra được hình thức cho vay phù hợp với nhu cầu, thu hút được khách hàng, đồng thời khuyến khích khách hàng trả nợ đúng hạn. Do đó chính sách Tín dụng Ngân hàng ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng tín dụng.

- Chấp nhận quy định thể chế tín dụng:

Việc chấp hành quy định thể chế tín dụng của cán bộ làm tín dụng tốt hay không tốt là nguyên nhân để các chỉ tiêu định tính đánh giá chất lượng tín dụng Ngân hàng có thực hiện được hay không. Mỗi cán bộ tín dụng khi cho vay đều phải tuân theo luật các tổ chức tín dụng và các quy định thể lệ tín dụng riêng của từng ngân hàng.

- Trình độ cán bộ:

Trình độ cán bộ sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng khoản cho vay, họ là người kiểm tra tư cách khách hàng. Nếu cán bộ tín dụng không đủ năng

lực để kiểm tra hoặc thẩm định hoặc làm không nhiệt tình với công việc thì hiệu quả tín dụng chắc chắn sẽ không cao. Thậm chí nếu tư cách đạo đức của cán bộ tín dụng không tốt thì sẽ ảnh hưởng lớn hoạt động Ngân hàng.

- Thông tin tín dụng:

Thông tin tín dụng là các thông tin liên quan đến tình hình tài chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nói chung và HSX nói riêng. Thông tin tín dụng có thể được khai thác trực tiếp từ khách hàng, từ bạn hàng của khách hàng, từ các cơ quan chuyên thông tin tín dụng trong và ngoài nước. Số lượng, chất lượng của thông tin tín dụng thu thập được có liên quan đến mức độ chính xác trong phân tích tín dụng, thông tin càng đầy đủ nhanh nhạy, chính xác và toàn diện thì càng tăng cường khả năng phòng ngừa rủi ro, do đó chất lượng tín dụng được nâng cao. Trên cơ sở nắm bắt toàn bộ các thông tin về khách hàng, HSX. Ngân hàng sẽ sử dụng một cách linh hoạt, mềm dẻo những chính sách nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của HSX.

Thông tin tín dụng là yếu tố cơ bản và có vai trò quan trọng trong quản lý tín dụng của Ngân hàng. Nhờ có thông tin mà người quản lý có thể đưa ra những quyết định cần thiết có liên quan đến cho vay, theo dõi và quản lý tài khoản cho vay. Thông tin tín dụng càng nhanh nhạy, chính xác toàn diện thì khả năng phòng ngừa rủi ro càng cao. Thông tin tín dụng giúp các nhà lãnh đạo của Ngân hàng biết được những thông tin cần thiết về môi trường họ đang hoạt động. Nó cung cấp các số liệu về tình hình giá cả thị trường để đưa ra những quyết định phù hợp trong việc mở rộng tín dụng HSX.

- Công tác tổ chức của Ngân hàng.

Tổ chức của Ngân hàng cần phải được cụ thể hoá và sắp xếp một cách khoa học đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng chặt chẽ giữa các Ngân hàng trong cùng hệ thống cũng như giữa các Ngân hàng với các cơ quan khác như: tài chính tư pháp... sẽ tạo điều kiện đáp ứng kịp thời yêu cầu của Ngân hàng, giúp Ngân hàng theo dõi quản lý sát sao các khoản vay, các khoản huy động vốn. Đây là cơ sở để tiến hành nghiệp vụ tín dụng lành mạnh và quản lý có hiệu quả các khoản vốn tín dụng, phát hiện và giải quyết kịp thời các khoản tín dụng khi cần thiết.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KINH TẾ HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NINH – CHI NHÁNH QUẢNG YÊN.

2.1. Đặc điểm hộ sản xuất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.

Địa bàn hoạt động của tại NHNo&PTNT Quảng Yên bao gồm một thị xã và 18 phường, xã, có 133.830 hộ gồm 356.268 khẩu. Với diện tích tự nhiên là 31.419 ha, đất nông nghiệp chiếm 19.117 ha bao gồm đất sản xuất nông nghiệp 6.392 ha, đất nuôi trồng thủy sản 8.132 ha. Tuy nhiên đất nông nghiệp phân bố không đều, ở một số xã lân cận giáp với biển thì diện tích đất nông nghiệp ít, nhưng tăng về đất nuôi trồng thủy sản. Số lao động trong nông nghiệp cũng phân bố không đồng đều: Đảo Hà Nam có khoảng 50% lao động trong nông nghiệp, Quảng Yên có 60% và Khu Cộng Hòa, Sông Khoai, Tiền An có 70% lao động trong nông nghiệp.

Riêng phường Minh Thành nằm dọc theo đường quốc lộ 1A rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế và giao lưu văn hoá xã hội.

Với 40% dân số làm nông nghiệp, 30% dân số làm Ngư nghiệp và nuôi trồng thủy sản là một ngành chủ yếu và là thế mạnh của vùng. Nên việc phát triển Thủy Sản toàn diện là mặt trận hàng đầu có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình ổn định và phát triển xã hội của địa bàn khu vực này.

Những năm gần đây trong công cuộc đổi mới chính sách của Đảng và Nhà nước, việc sử dụng công cụ máy móc hiện đại đã mang lại hiệu quả đáng kể cho nền kinh tế của thị xã như các chính sách cho phép mở rộng khai thác các bến bãi ven biển để nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ vốn chính phủ trong việc đóng mới và lắp đặt tàu đánh cá khai thác trên biển. Bên cạnh đó chính sách tín dụng với HSX đã góp phần quan trọng. Tín dụng HSX đã tạo ra khả năng tháo gỡ những ràng buộc đối với sức sản xuất, tạo điều kiện để phát huy tiềm năng sáng tạo trên lĩnh vực kinh tế nông lâm, ngư nghiệp của thị xã.

Quảng Yên là thị xã chủ yếu sản xuất nông nghiệp và khai thác đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

- Các điều kiện về giao thông, bưu điện và hệ thống hạ tầng cơ sở hạ tầng khác như thủy lợi, điện đều thuận lợi, ... Nên làm giảm chi phí cho vay và thu nợ, giám sát món vay chặt chẽ, thông tin nhanh chóng, tổ chức giao dịch tại ngân hàng và thu hút hộ gia đình vay vốn đến ngân hàng. Bên cạnh những thuận lợi trên thì hộ sản xuất ở đây còn có những đặc điểm không thuận lợi như sau:

- Về cơ bản vẫn là nền nông nghiệp truyền thống, phân tán quy mô nhỏ, trình độ canh tác và trình độ kỹ thuật còn thấp, quy mô gia đình, tự tổ chức tiêu thụ.

- Các vùng nông thôn khu vực bị đô thị hoá nhanh, do làm đường giao thông, do mở mang các khu công nghiệp, do xây dựng các khu nhà ở định cư và các nhu cầu xây dựng các công trình công cộng, phúc lợi khác.... Bởi vậy diện tích đất canh tác giảm, đất ít, người đông, hiệu quả sản xuất chưa cao.

- Thị trường nông, hải sản diễn biến bất thường, giá cả không ổn định, tiêu thụ bấp bênh và công nghiệp chế biến chưa phát triển.

- Chúng loại nông hải sản hàng hoá và hàng tiêu dùng chưa đa dạng, chất lượng chưa cao và không ổn định, kết tinh tiến bộ khoa học kỹ thuật còn thấp, giá bán cao và cũng không ổn định.

2.2. Khái quát về Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.

2.2.1. Lịch sử hình thành và sự phát triển của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.

a) Lịch sử hình thành.

NHNo& PTNT tỉnh Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên (NHNo& PTNT Quảng Yên) được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 7/1988. Về mô hình tổ chức toàn thị xã có 2 phòng Giao dịch và hai bàn tiết kiệm.

Từ một ngân hàng 100% Nhà nước chuyển hẳn sang NHTM gặp không ít khó khăn trong bối cảnh nền kinh tế tiền tệ lạm phát cao, doanh nghiệp Nhà nước và các đơn vị tập thể là đối tượng khách hàng chính của NHNo& PTNT lần lượt tan rã, cơ sở vật chất và phương tiện kinh doanh thiếu và lạc hậu...

Với nguồn vốn huy động khi thành lập là 31,9 tỷ, dư nợ cho vay các thành phần kinh tế là 20,2 tỷ, nợ quá hạn là 2,8 tỷ, kết quả tài chính là 1,9 tỷ. Có thể nói NHNo& PTNT Quảng Yên đang gặp rất nhiều khó khăn.

Đứng trước thực trạng trên, trong những năm qua NHNo& PTNT Quảng Yên đã kiên quyết đi theo đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, được sự chỉ đạo của Thị uỷ - Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã và ngân hàng cấp trên, sự ủng hộ của các cấp, các ngành cùng với sự cố gắng nỗ lực của tập thể lãnh đạo đến cán bộ công nhân viên toàn ngân hàng đã từng bước khắc phục khó khăn, phát triển kinh doanh đa năng, đổi mới công cụ điều hành, sắp xếp lại mô hình tổ chức, thực hiện phương châm "đi vay để cho vay", tổ chức khoán tài chính đến nhóm và người lao động, ngăn chặn hành vi bao cấp, lấy hiệu quả kinh tế và mục tiêu sinh lời làm thước đo chính trong kinh doanh".

b) Quá trình phát triển.

Từ năm 1990 khi hai Pháp lệnh Ngân hàng ra đời đã tạo hành lang pháp lý hoạt động kinh doanh ngân hàng. Cùng với sự đổi mới và phát triển của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh của các NHTM cũng có những bước phát triển phục vụ sản xuất kinh doanh trong các thành phần kinh tế có hiệu quả góp phần đẩy lùi lạm phát từ 3 con số xuống 1 con số. Bên cạnh sự phát triển của đất nước, mặc dù mới được thành lập song chi nhánh Quảng Yên đã tự đổi mới để tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường. Nhờ vậy, hoạt động kinh doanh của ngân hàng luôn có lãi và không ngừng tăng trưởng cả về số lượng lẫn chất lượng.

Năm 1988, chi nhánh được thành lập với rất nhiều khó khăn. Có thể kể đến là:

- Do mới thành lập đội ngũ cán bộ tư nhiệt tình công tác nhưng lại có nhược điểm chưa dày dặn kinh nghiệm, chưa bắt nhịp với thị trường sôi động.
- Đội ngũ biên chế chỉ có 40 cán bộ với trình độ còn bất cập.

Nhận thức được những khó khăn trên ban lãnh đạo chi nhánh đã xác định mục tiêu phương hướng hoạt động kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế hiện có. Đồng thời, chi nhánh luôn có sự giúp đỡ nhiệt tình của các phòng - ban trong tỉnh, sự quan tâm thường xuyên của ban giám đốc NHNo & PTNT Quảng Ninh cả về vật chất lẫn tinh thần.

Do đó, sau 20 năm đi vào hoạt động chi nhánh đã có những bước phát triển đáng kể.

- Chi nhánh đã bổ sung đội ngũ cán bộ biên chế là 34 người với trình độ dần dần được cải thiện. Số cán bộ chưa có bằng đại học và đang học đại học chuyển đổi.

- Về nghiệp vụ bảo lãnh: Để thực hiện việc bảo lãnh theo hạn mức, do đó giảm bớt thủ tục giấy tờ tạo thuận lợi cho khách hàng trong quá trình giao dịch nhưng vẫn đảm bảo tính pháp lý.

• Đến ngày 31/12/2012:

- Tổng nguồn vốn huy động đạt 835.545 triệu đồng.

- Tổng dư nợ cho vay đạt 280.794 triệu đồng.

- Bình quân 14.402 triệu đồng/1 cán bộ.

- Kết quả tài chính hàng năm đều có lãi, đảm bảo ổn định đời sống cán bộ, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

c) Cơ cấu tổ chức – nhân sự.

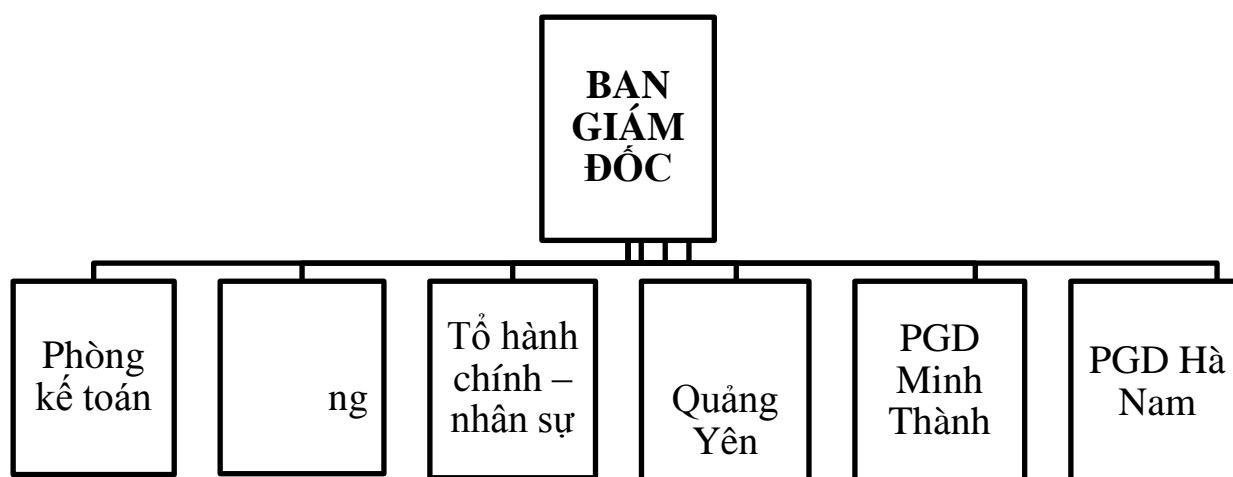
Sau khi pháp lệnh Ngân hàng có hiệu lực thi hành, mô hình tổ chức kinh doanh của NHNo & PTNT Quảng Ninh – chi nhánh Quảng Yên được ghi rõ: Là một pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước và là chi nhánh trực thuộc NHNo & PTNT tỉnh Quảng Ninh, thực hiện chế độ hạch toán kinh doanh XHCN theo cơ chế thị trường.

Bộ máy biên chế tổ chức tính đến thời điểm 30/09/2012 tổng số cán bộ nhân viên chi nhánh là 34 người, trong đó ban giám đốc gồm 02 đồng chí.

- Trụ sở chính bao gồm:

- Phòng kế toán – ngân quỹ.
 - Phòng tín dụng.
 - Phòng tổ chức hành chính.
- Ngoài trụ sở chính đóng tại thị xã Quảng Yên chi nhánh có 03 phòng giao dịch, đó là:
- Phòng giao dịch Hà Nam.
 - Phòng giao dịch Minh Thành.
 - Phòng giao dịch thị xã Quảng Yên.

*** Mô hình tổ chức của NHNo & PTNT Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên:**



Chức năng, nhiệm vụ của các phòng.

+ Ban giám đốc:

- *Giám đốc*: Phụ trách chung và trực tiếp chỉ đạo các phòng ban và các phòng giao dịch trực thuộc.

- *Phó giám đốc*: Được sự ủy quyền hàng năm của giám đốc phụ trách các phòng ban và các phòng giao dịch trực thuộc về một số công tác.

+ Các phòng chức năng:

- *Phòng tín dụng*: Xây dựng kế hoạch, thực hiện cho vay, thu nợ với các khoản vay ngắn, trung, dài hạn, cho vay cầm cố.....đồng thời thực hiện các nghiệp vụ bảo lãnh.

- *Phòng kế toán – ngân quỹ*: Thực hiện giao dịch trực tiếp với khách hàng, tổ chức hạch toán theo quy định hiện hành đồng thời thực hiện quản lý an toàn kho quỹ theo quy định, tiến hành thu tiền cho các bàn giao dịch và ngoại tệ của chi nhánh. Phát triển các dịch vụ sản phẩm bán lẻ, nhất là các sản phẩm mang tính ứng dụng công nghệ Ngân hàng như sản phẩm thẻ.

- *Tổ chức hành chính - nhân sự*: Thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy hành chính và công tác quản trị văn phòng phục vụ hoạt động kinh doanh.

- *Phòng kiểm tra kiểm toán nội bộ*: Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của chi nhánh theo năm, quý, tháng. Tham gia nghiên cứu soạn thảo hoặc chỉnh sửa, bổ sung các quy trình, quy chế nghiệp vụ của Ngân hàng. Kiểm tra nghiệp vụ ngân hàng trong toàn hệ thống trên cơ sở các văn bản và chế độ của Ngân hàng Nhà nước và các quy trình, quy chế của ngân hàng. Chịu trách nhiệm về đảm bảo tính pháp lý trung thực, khách quan.

- *Phòng giao dịch Hà Nam, phòng giao dịch thị xã Quảng Yên, phòng giao dịch Minh Thành*: Huy động tiền gửi và cho vay đối với tổ chức kinh tế và cá nhân, chuyển tiền.

2.2.2. Hoạt động huy động vốn.

Huy động vốn là nghiệp vụ truyền thống và cũng là hoạt động đảm bảo cân đối và chủ động nguồn vốn của các Ngân hàng. Vì vậy để tồn tại và ngày càng mở rộng quy mô hoạt động đòi hỏi các ngân hàng phải coi uy tín lớn trên thị trường là điều trọng yếu. Uy tín đó phải được thể hiện trước hết ở khả năng sẵn sàng thanh toán, chi trả cho khách hàng của ngân hàng.

Nhận thức được điều đó trong hoạt động kinh doanh của NHNo& PTNT Quảng Yên những năm qua luôn nỗ lực tìm kiếm đưa ra những biện pháp đẩy mạnh công tác huy động tốt nhằm tăng trưởng nguồn vốn. Với vai trò quan trọng đó NHNo& PTNT Quảng Yên đã đẩy mạnh công tác huy động vốn dưới nhiều hình thức đưa ra nhiều sản phẩm khác nhau như: tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, tiết kiệm dự thưởng, phát hành kỳ phiếu có mục đích với nhiều kỳ hạn trả lãi trước, lãi suất bậc thang hoặc trả lãi sau đồng thời mở rộng thêm các điểm huy động vốn mới ở các trung tâm kinh tế, từ đó thu hút ngày càng nhiều khách hàng đến gửi tiền. Vì vậy trong các năm qua, Ngân hàng đã huy động được một khối lượng vốn lớn đáp ứng được nhu cầu về vốn cho khách hàng.

Bảng 2.1 : Nguồn vốn huy động của NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010-2012:*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2010			Năm 2011			Năm 2012		
	Số Tiền	Số tiền tăng giảm	Tăng trưởng %	Số tiền	Số tiền tăng giảm	Tăng trưởng %	Số tiền	Số tiền tăng giảm	Tăng trưởng %
Tổng nguồn vốn huy động	491.162	113.345	130,1	587.022	95.860	119,5	835.545	248.523	142,3
- Ngoại tệ quy đổi	22.780	7.891	153,1	18566	-4.214	81,5	18000	-566	97
- VNĐ	424.688	91.076	127,3	568.466	143.778	120,9	817.545	249.079	143,8

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2010, 2011, 2012 của NHNo&PTNT Quảng Yên)

Nhìn vào bảng số liệu 2.1 cho thấy nguồn vốn của NHNo& PTNT Quảng Yên tính đến ngày 31/12/2012 đạt 835.545 triệu đồng, tăng 248.523 triệu đồng so với cuối năm 2011, tốc độ tăng trưởng là 42,3%.

Vốn ngoại tệ quy đổi VNĐ năm 2012 là 18000 triệu đồng bằng 97% so với năm 2011.

Huy động vốn VNĐ năm 2012 là 817.545 triệu đồng, tăng 248.988 triệu đồng, tăng 43,8% so với năm 2011. Nguồn vốn này chiếm tỷ trọng lớn, chiếm 97,8% trong tổng nguồn vốn và có tốc độ tăng trưởng cao. Từ thực tế đó, trong những năm qua NHNo&PTNT Quảng Yên không ngừng mở rộng mạng lưới, tìm cách tiếp cận với những khách hàng có nguồn tiền gửi lớn. Đồng thời thực hiện công tác quảng bá tiếp thị những sản phẩm của ngân hàng như tiền gửi tiết kiệm dự thưởng, tiết kiệm bậc thang, kỳ phiếu, tiết kiệm bằng VNĐ đảm bảo giá trị theo giá vàng...Kết quả nguồn vốn huy động tăng liên tục trong 03 năm với tốc độ cao, năm 2012 tăng 42,3% so với năm 2011. Điều này cho thấy ngân hàng đã có chỗ đứng vững vàng, tạo uy tín trong dân cư nên người dân yên tâm gửi dài hạn.

Nhìn chung trong những năm gần đây, NHNo& PTNT Quảng Yên đã tích cực tăng cường huy động mọi nguồn vốn nhàn rỗi ở các tổ chức kinh tế và dân cư tại địa phương. Vì vậy, Ngân hàng luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vốn cho các thành phần kinh tế trên địa bàn thị xã đặc biệt là kinh tế hộ gia đình nông nghiệp và nông thôn.

2.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.

Kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng được thể hiện qua thu nhập mà ngân hàng thu được. Đặc biệt thu nhập từ hoạt động cho vay hộ sản xuất chiếm tỷ trọng cao nhất trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Và lợi nhuận mà ngân hàng được hưởng sau khi lấy khoản thu nhập mà ngân hàng thu được trừ đi các khoản chi phí mà ngân hàng đã bỏ ra. Do vậy để đánh giá hoạt động cho vay hộ sản xuất của ngân hàng như thế nào ta xem xét các yếu tố lợi nhuận, chi phí và thu nhập.

Bảng 2.2: Kết quả hoạt động kinh doanh của NHNo& PTNT Quảng Yên năm 2010 – 2012

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
1. Tổng thu nhập hoạt động	63.012	101.512	103.690
- Thu từ hoạt động tín dụng	32.302	55.661	49.901
- Thu từ hoạt động dịch vụ	996	1.422	1.674
- Thu khác	29.714	44.429	52.115
2. Tổng chi phí hoạt động	50.988	74.015	83.314
- Chi phí hoạt động tín dụng	39.883	61.689	69.439
- Chi phí hoạt động dịch vụ	2.832	3.670	3.261
- Chi phí khác	8.273	8.656	10.604
Lợi nhuận trước thuế	14.856	31.167	23.637

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2010, 2011, 2012 của NHNo&PTNT Quảng Yên)

Bảng 2.2 cho thấy trong tổng thu nhập của NHNo&PTNT Quảng Yên thì nguồn thu từ hoạt động tín dụng chiếm tỷ trọng cao nhất (cụ thể năm 2010 thu từ hoạt động tín dụng chiếm 51,2% tổng thu nhập; năm 2011 là 54,8% và năm 2012 là 48,1%). Tương tự thu nhập thì chi phí NHNo&PTNT Quảng Yên trong ba năm qua cũng chủ yếu là chi cho hoạt động tín dụng, năm 2010 là 78,2% tổng chi phí; năm 2011 là 83,3% và năm 2012 là 83,3%. Chi phí cho hoạt động tín dụng cao, nhất là đối với những khoản vay của những hộ khai thác, đánh bắt xa bờ. Do địa bàn của thị xã Quảng Yên trải

dài, gây nhiều khó khăn cho công tác thẩm định và giám sát khoản vay của ngân hàng. Trong những năm gần đây, điều kiện nền kinh tế khó khăn, nhiều hộ sản xuất làm ăn thua lỗ, ảnh hưởng đến nguồn thu của ngân hàng, chi phí thu hồi, xử lý nợ cũng tăng cao, dẫn tới chi phí cho hoạt động tín dụng cao hơn thu từ hoạt động tín dụng. Năm 2011, Ngân hàng Nhà nước đưa ra nhiều chính sách để phát triển kinh tế như: áp dụng trần lãi suất huy động, hỗ trợ lãi suất cho các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn,... chính vì vậy người dân càng yên tâm để vay vốn sản xuất kinh doanh, nhờ đó lợi nhuận của chi nhánh năm 2011 tăng so với năm 2010 là 16.311 triệu đồng. Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2012 nên nền kinh tế nước ta bị ảnh hưởng, người dân làm ăn thua lỗ, giá cả bấp bênh dẫn đến lợi nhuận của chi nhánh năm 2012 là 23.637 triệu đồng giảm 7530 triệu đồng so với năm 2011.

Như vậy, trong những năm qua NHNo&PTNT Quảng Yên kinh doanh tương đối hiệu quả, đây cũng chính là sự nỗ lực hết mình của chi nhánh. Trong những năm tiếp theo, toàn NHNo&PTNT Quảng Yên cần phải cố gắng nỗ lực hơn nữa để phát triển hơn, tạo ra nhiều lợi nhuận hơn, đáp ứng được nhu cầu vốn của mọi người dân có nhu cầu, góp phần phát triển kinh tế vùng, xã hội,...

2.4. Thực trạng chất lượng hoạt động tín dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Quảng Yên.

Hiện nay, để đảm bảo hiệu quả hoạt động tín dụng hầu hết các cán bộ tín dụng tại NHNo&PTNT Quảng Yên tuân thủ quy trình xét duyệt cho vay theo điều 17 quyết định số 666/QĐ-HĐQT-TDHo.

Với trách nhiệm và nhiệm vụ của các cán bộ được quy định cụ thể theo điều 32 - phân định trách nhiệm đối với cán bộ, quyết định số 666/ QĐ-HĐQT-TDHo thì:

❖ *Cán bộ tín dụng trực tiếp thẩm định*: là người chịu trách nhiệm về khoản vay do mình thực hiện và được phân công các công việc:

- Chủ động tìm kiếm các dự án, phương án khả thi của khách hàng, làm đầu mối tiếp xúc với khách hàng, với cấp ủy, chính quyền địa phương.

- Thu thập thông tin về khách hàng vay vốn, thực hiện sưu tầm các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến khách hàng; lập hồ sơ kinh tế theo địa bàn và hồ sơ khách hàng được phân công; xác định nhu cầu vốn cho vay theo địa bàn, ngành hàng, khách hàng; trực tiếp theo dõi danh mục cho vay, thu nợ.

- Giải thích, hướng dẫn khách hàng các quy định về cho vay và thủ tục, hồ sơ vay vốn.

- Thẩm định các điều kiện vay vốn theo quy định; lập báo cáo thẩm định, cùng khách hàng lập hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay, ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay khi được ủy quyền.

- Thông báo cho khách hàng biết về quyết định cho vay hay từ chối cho vay sau khi có văn bản của giám đốc hoặc người được ủy quyền

- Thực hiện kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay; đôn đốc khách hàng trả nợ đúng hạn và đề xuất biện pháp xử lý khi cần thiết; thực hiện những biện pháp xử lý vi phạm tín dụng theo quyết định của giám đốc hoặc người được ủy quyền.

- Nhận hồ sơ và thẩm định các trường hợp khách hàng đề nghị cơ cấu lại thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi. Định kỳ đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng để làm cơ sở phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro.

- Thu nợ gốc, lãi và các khoản phí theo quy trình, chức năng nhiệm vụ được giao.

- Chấm điểm xếp hạng khách hàng theo quy định hiện hành.

- Lưu giữ hồ sơ theo quy định.

❖ *Trưởng ban, Phòng Tín dụng/Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh* chịu trách nhiệm:

- Phân công cán bộ phụ trách địa bàn hoặc các khách hàng, kiểm tra đôn đốc cán bộ tín dụng thực hiện đầy đủ quy chế cho vay của NHNN Việt Nam và hướng dẫn của NHNo& PTNT Việt Nam.

- Kiểm soát nội dung thẩm định của cán bộ tín dụng, tiến hành tái thẩm định các điều kiện vay (nếu thấy cần thiết); kiểm soát bộ hồ sơ pháp lý, hồ sơ vay vốn, hồ sơ kinh tế, thủ tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và ghi ý kiến của mình trên các hồ sơ đó; ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay theo thẩm quyền được phân cấp.

- Giám sát, kiểm tra việc chấm điểm xếp hạng khách hàng, việc phân loại nợ của cán bộ tín dụng.

❖ *Cán bộ kế toán cho vay*: là người chịu trách nhiệm thực hiện các công việc:

- Kiểm tra danh mục hồ sơ pháp lý, hồ sơ vay vốn.

- Hướng dẫn khách hàng mở tài khoản tiền vay.

- Làm thủ tục phát tiền vay theo quyết định của giám đốc hoặc người được ủy quyền.

- Hạch toán các nghiệp vụ: cho vay, thu nợ, chuyển nợ quá hạn, thu lãi...

- Tiến hành sao kê hợp đồng tín dụng, sổ vay vốn, sao kê nợ đến hạn, quá hạn cung cấp cho tín dụng theo quy định hiện hành về chế độ kế toán.

- Lưu giữ hồ sơ theo quy định.

❖ *Giám đốc NHNo nơi cho vay hoặc người được ủy quyền*: là người chịu trách nhiệm chỉ đạo điều hành nghiệp vụ tín dụng theo quyền hạn được phân công và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình (cho vay/không cho vay):

- Xem xét nội dung báo cáo thẩm định do Ban, Phòng Tín dụng/phòng kế hoạch kinh doanh trình lên để quyết định cho vay hay không cho vay.

- Ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay và các hồ sơ do ngân hàng và khách hàng cùng lập.

- Quyết định các biện pháp xử lý nợ: cho gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn, chuyển nhóm nợ và các biện pháp xử lý khác đối với khách hàng.

❖ *Quy trình nghiệp vụ cho vay*

Quy trình cho vay được bắt đầu khi CBTD tiếp nhận hồ sơ khách hàng và kết thúc khi kế toán viên tất toán - thanh lý hợp đồng tín dụng, được tiến hành theo ba bước:

- Thẩm định trước khi cho vay.

- Kiểm tra, giám sát trong khi cho vay.
- Kiểm tra, giám sát, tổ chức thu hồi nợ sau khi cho vay.

Tùy theo từng mục đích mà CBTD phân tích và thẩm định khách hàng vay vốn theo những bước sau:

1. Tiếp nhận và hướng dẫn khách hàng về điều kiện tín dụng và hồ sơ vay vốn.
2. Kiểm tra hồ sơ và mục đích vay vốn.
3. Điều tra, thu thập, tổng hợp thông tin về khách hàng và phương án vay vốn.
4. Kiểm tra, xác minh thông tin.
5. Phân tích ngành.
6. Phân tích, thẩm định khách hàng vay vốn.
7. Dự kiến lợi ích cho ngân hàng nếu khoản vay được phê duyệt.
8. Phân tích, thẩm định phương án vay vốn/dự án đầu tư.
9. Thẩm định các biện pháp bảo đảm tiền vay.
10. Lập báo cáo thẩm định cho vay.
11. Tái thẩm định khoản vay.
12. Xác định phương thức và nhu cầu cho vay.
13. Xem xét khả năng nguồn vốn và điều kiện thanh toán của Chi nhánh.
14. Phê duyệt khoản vay.
15. Ký kết hợp đồng tín dụng/sổ vay vốn, hợp đồng bảo đảm tiền vay, giao nhận giấy tờ và tài sản bảo đảm.
16. Tuân thủ thời gian thẩm định, xét duyệt cho vay.
17. Giải ngân.
18. Kiểm tra, giám sát khoản vay.
19. Thu nợ lãi và gốc và xử lý những phát sinh.
20. Thanh lý hợp đồng tín dụng.
21. Giải tỏa tài sản bảo đảm.

❖ Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay được thỏa thuận giữa ngân hàng và khách hàng căn cứ vào:

- Thời hạn thu hồi vốn của dự án đầu tư.
- Khả năng trả nợ của khách hàng.
- Nguồn vốn cho vay của NHNo & PTNT Việt Nam.
- Thời hạn hoạt động còn lại theo quyết định thành lập hoặc giấy

phép hoạt động.

❖ Thời gian thẩm định cho vay:

- Các dự án trong quyền phán quyết: Trong thời gian không quá 5 ngày làm việc đối với cho vay ngắn hạn và không quá 10 ngày làm việc đối với cho vay trung, dài hạn kể từ khi NHNo nơi cho vay nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn hợp lệ và thông tin cần thiết của khách hàng theo yêu cầu của NHNo Việt Nam, NHNo nơi cho vay phải quyết định và thông báo cho vay hoặc không cho vay đối với khách hàng.

- Các dự án, phương án vượt quyền phán quyết:

+ Trong thời gian không quá 5 ngày làm việc đối với cho vay ngắn hạn và không quá 10 ngày làm việc đối với cho vay trung, dài hạn kể từ khi NHNo nơi cho vay nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn hợp lệ và thông tin cần thiết của khách hàng theo yêu cầu của NHNo Việt Nam, NHNo nơi phải làm đầy đủ thủ tục trình lên NHNo cấp trên.

+ Trong thời gian không quá 5 ngày làm việc đối với cho vay ngắn hạn và 10 ngày đối với cho vay trung, dài hạn kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do chi nhánh trình, NHNo cấp trên phải thông báo chấp thuận hoặc không chấp thuận cho vay. Ngân hàng nơi cho vay có trách nhiệm niêm yết công khai thời hạn tối đa thẩm định cho vay theo quy định tại khoản 5 điều 17 Quyết định số: 666/QĐ- HĐQT-TDHo.

❖ Kiểm tra, giám sát và xử lý vốn vay:

NHNo nơi cho vay có trách nhiệm và có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy trình và

hướng dẫn của NHNo Việt Nam theo điều 23 Quyết định số 666/QĐ-HĐQT-TDHo.

❖ *Nội dung kiểm tra, giám sát:*

- *Kiểm tra trước khi cho vay:* là việc thẩm định, tái thẩm định các điều kiện vay vốn theo quy định.

- *Kiểm tra trong khi cho vay:* là việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ khách hàng, hồ sơ vay vốn, hồ sơ tài sản đảm bảo tiền vay và các yếu tố chứng từ; sự khớp đúng giữa chứng minh thư và người vay, giữa người nhận tiền và người có tên trên giấy đề nghị vay vốn.

- *Kiểm tra sau khi cho vay:*

+ Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày giải ngân, cán bộ tín dụng phải kiểm tra việc sử dụng vốn vay và tài sản bảo đảm tiền vay.

Riêng đối với gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; khách hàng vay cầm cố bằng giấy tờ có giá, Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh trực thuộc Trụ sở chính quy định cụ thể bằng văn bản việc kiểm tra sau khi cho vay (số lượng khách hàng và mức dư nợ phải kiểm tra; thời điểm kiểm tra...) phù hợp với điều kiện và đặc điểm cụ thể của từng địa phương.

+ Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra việc sử dụng vốn vay theo mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng.

Kiểm tra biện pháp tổ chức triển khai và tiến độ thực hiện dự án, phương án; đánh giá hiệu quả của dự án, phương án vay vốn.

Kiểm tra hiện trạng, tình hình biến động, thay đổi tài sản bảo đảm tiền vay (số lượng, giá trị...)

Kiểm tra nguồn thu nhập của khách hàng vay (từ dự án, tiền lương, thu nhập khác); phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp; đánh giá tiến độ và khả năng trả nợ.

Kiểm tra, xác định mức độ thiệt hại của dự án, phương án đầu tư, của khách hàng vay khi xảy ra rủi ro bất khả kháng (bão, lũ lụt, cháy nổ, dịch bệnh...)

❖ *Chấm điểm và xếp hạng tín dụng đối với khách hàng:*

NHNo& PTNT nơi cho vay phải thu thập thông tin, thực hiện chấm điểm xếp hạng khách hàng theo quy định của NHNo Việt Nam.

❖ *Xử lý vốn vay:*

Giám đốc NHNo nơi cho vay căn cứ vào kết quả kiểm tra; kết quả chấm điểm xếp hạng khách hàng và tùy theo mức độ vi phạm của khách hàng quyết định xử lý:

- Tạm ngừng cho vay: Trong các trường hợp khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, cung cấp thông tin sai sự thật; khách hàng bị xếp hạng C.

- Chấm dứt cho vay: Trong các trường hợp khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng đó cam kết nhưng không khắc phục, sửa chữa; khách hàng ngừng sản xuất có thể dẫn đến phá sản; quá trình tổ chức lại sản xuất không xác định được người chịu trách nhiệm chính trước pháp luật về quan hệ vay vốn và trả nợ ngân hàng, khách hàng bị xếp hạng D.

- Khởi kiện trước pháp luật trong các trường hợp:

- Khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh đã được NHNo thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.

- Khách hàng có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng.

- Khách hàng có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ ngân hàng theo thỏa thuận.

- Khách hàng có hành vi lừa đảo, gian lận.

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trước khi món vay của khách hàng đến hạn 10 ngày, cán bộ tín dụng nhận giấy nợ đến hạn từ bộ phận kế toán và gửi thông báo này cho khách hàng. Trường hợp đến hạn mà khách hàng không trả được do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và khách hàng có giấy đề nghị gia hạn nợ thì cán bộ tín dụng kiểm tra, xác minh, đề nghị cho gia hạn nợ theo quy định. Trình trưởng phòng tín dụng hoặc Giám đốc phê duyệt sau đó chuyển giấy đề nghị gia hạn được duyệt cho kế toán và có giấy báo gia hạn nợ cho khách hàng.

Hàng tháng, quý, năm, cán bộ tín dụng tiến hành phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro theo quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN sửa đổi bổ sung một số điều quy định phân loại nợ, trích lập dự phòng.

Quy trình xét duyệt cho vay của NHNo& PTNT Quảng Yên khá chặt chẽ. Tuy nhiên, định thời hạn cho vay và kỳ hạn nợ chưa hợp lý, chưa căn cứ vào chu kỳ sản xuất kinh doanh. Việc thu nợ gốc vào cuối kỳ hạn nợ không tạo cho khách hàng có thói quen trả nợ.

Việc thực hiện theo đúng quy trình đề ra, đã phần nào góp phần gia tăng việc cho vay thu nợ trong giai đoạn này của NHNo&PTNT Quảng Yên, cụ thể:

Kết quả cho vay, thu nợ của NHNO& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 – 2012.

Doanh số cho vay và thu nợ hộ sản xuất

Bảng 2.3: Kết quả hoạt động cho vay đối với hộ sản xuất từ năm 2010 - 2012.*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2010			2011			2012		
	DSCV	DSTN	Dư nợ	DSCV	DSTN	Dư nợ	DSCV	DSTN	Dư nợ
Tổng số	240.265	182.162	251.012	282.587	241.058	292.541	261.425	274.140	280.794
Ngắn hạn	88.259	73.003	50.090	170.759	122.516	98.333	130.596	142.591	87.337
Tỷ trọng (%)	36,7	40	20	60	51	34	45	52	31
Trung - Dài hạn	152.006	109.159	200.922	111.828	118.542	194.208	130.829	131.549	193.457
Tỷ trọng (%)	63,3	60	80	40	49	66	55	48	69

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2010, 2011, 2012 của NHNo&PTNT Quảng Yên)

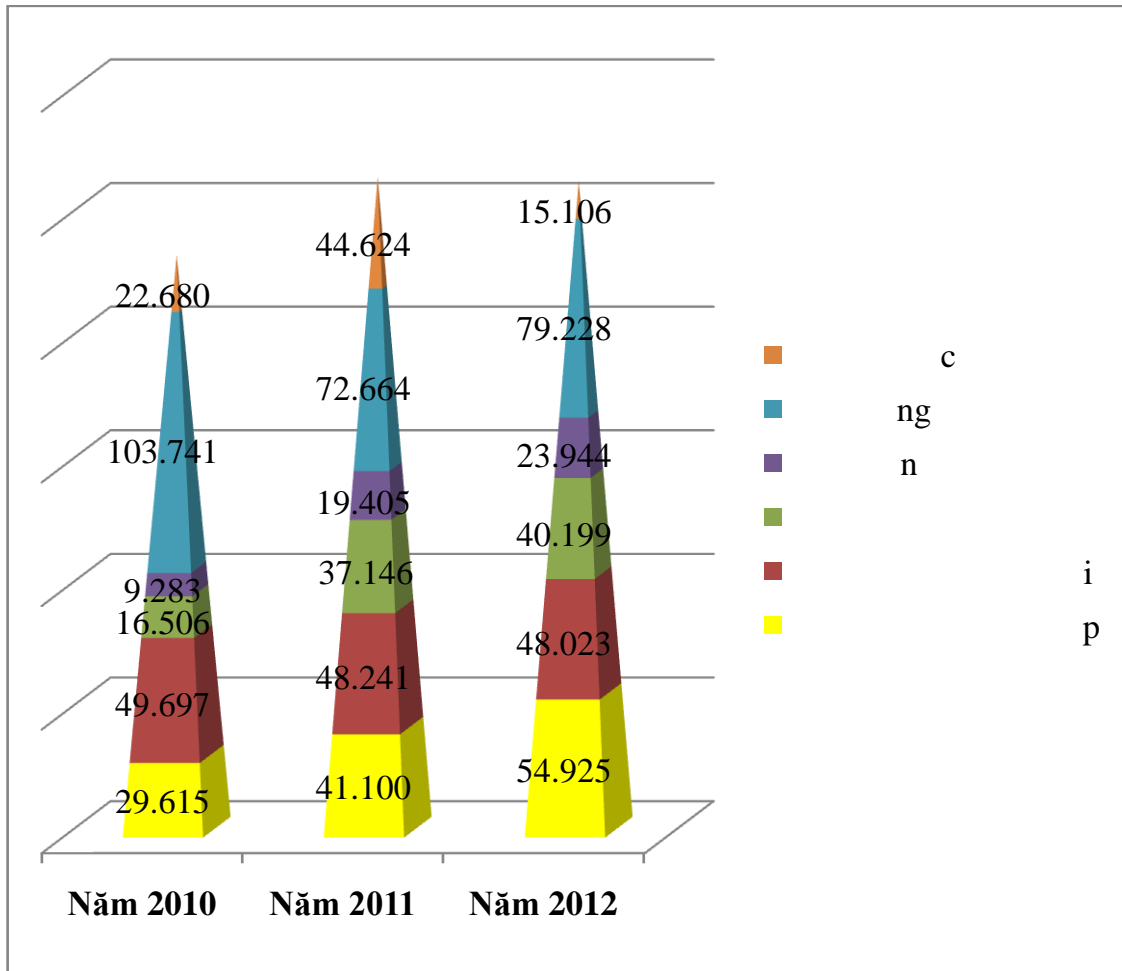
Nhìn vào bảng 2.3 cho thấy Ngân hàng có xu hướng chuyển sang cho vay ngắn hạn. Năm 2011 vay ngắn hạn tăng 96,3% so với năm 2010, cho vay trung hạn bằng 99,9% so với năm 2010 cho thấy thu nhập của Ngân hàng từ các khoản vay ngắn hạn đang tăng lên và rủi ro của các khoản vay này mang lại cũng không nhiều. Các khoản vay ngắn hạn làm cho vòng quay vốn tín dụng được nhanh hơn nên ngân hàng có thể thu hồi vốn sớm hơn để cho vay các khoản vay mới. Vì thế, việc chú trọng nâng cao chất lượng các khoản vay ngắn hạn là rất cần thiết, đáp ứng tốt hướng đổi mới quản lý nông nghiệp, nông thôn, khuyến khích hộ sản xuất tự chủ trong trang bị máy móc, công cụ nhỏ trong khâu làm đất, tuốt lúa, say sạt bơm nước... Phù hợp với trình độ và quy mô sản xuất của gia đình, nhằm mục tiêu nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, thúc đẩy quá trình phân công lại lao động xã hội ở nông thôn, kích thích quá trình thúc đẩy phát triển sản xuất tổng hợp trong mỗi gia đình, góp phần chuyển dịch cơ cấu của thị xã.

Năm 2012, nền kinh tế - xã hội của cả nước gặp nhiều khó khăn, do chịu tác động của lạm phát kinh tế, giá cả biến động; thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân trong cả nước và nhân dân trên địa bàn thị xã. Hoạt động của ngân hàng chịu nhiều ảnh hưởng sau lạm phát kinh tế, thị trường bất động sản trầm lắng, hàng hóa tồn kho ứ đọng... nên hoạt động cho vay có giảm so với năm 2011, dư nợ ngắn hạn năm 2012 là 87.337 triệu đồng và bằng 88,8% so cùng kỳ, dư nợ trung dài hạn là 186.851 triệu đồng và bằng 99,7% so cùng kỳ.

Tổng doanh số cho vay trong năm đạt 261.425 triệu đồng, bằng 92,5% so với cùng kỳ. Tổng doanh số thu nợ trong năm đạt 274.140 triệu đồng, bằng 114% so với cùng kỳ. Trong đó thu hồi nợ xấu 1.540 triệu đồng, nợ đã xử lý rủi ro 1.731 triệu đồng, tăng 21,7% so với cùng kỳ.

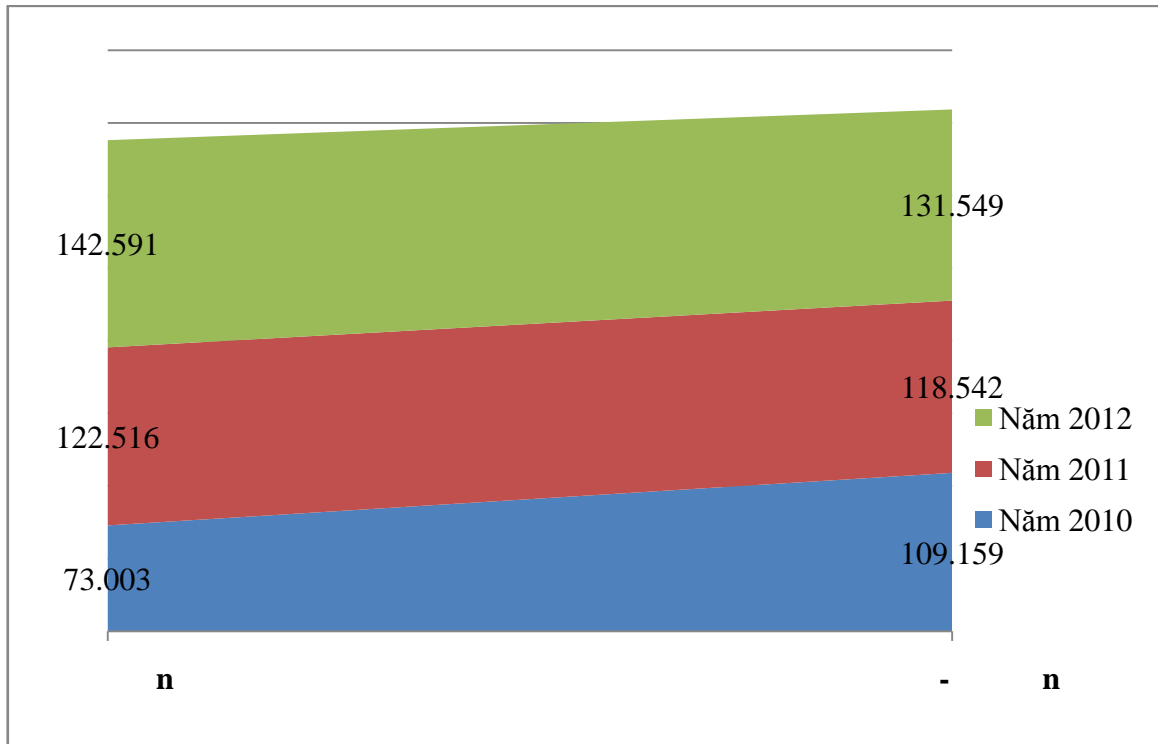
Tổng dư nợ cho vay đến cuối năm 2010 là 251.012 triệu đồng, năm 2011 là 292.541 triệu đồng, năm 2012 là 280.794 triệu đồng, bằng 95,9% so với cùng kỳ.

Biểu đồ 1 : Doanh số cho vay hộ sản xuất theo ngành kinh tế trong giai đoạn 2010 – 2012 (đơn vị triệu đồng)



Trong các năm 2010 - 2012 tỷ trọng các loại hình cho vay có nhiều thay đổi, Ngân hàng đã mở rộng cho vay đối với một số ngành nghề như : cho vay sản xuất nông nghiệp, cho vay kinh doanh dịch vụ, do đó doanh số cho vay ngắn hạn tăng lên đáng kể. Nhìn vào biểu đồ có thể thấy, doanh số cho vay trong lĩnh vực tiêu dùng là chủ yếu, tuy cơ cấu nông nghiệp trong thị xã còn cao, phát triển chăn nuôi mạnh và cải tiến kỹ thuật, khoa học các ngành trồng trọt nhưng cho vay nông nghiệp đã giảm qua các năm, cho vay các ngành dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và tiêu dùng được mở rộng và phát triển. Trong những năm gần đây, trước tình trạng giải ngân cho vay chậm, hoạt động của nhiều doanh nghiệp sa sút, ngân hàng đã dành nhiều ưu đãi cho khách hàng cá nhân, đẩy mạnh cho vay tiêu dùng để tăng dư nợ.

Biểu đồ 2: Doanh số thu nợ hộ sản xuất theo thời hạn tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 – 2012 (đơn vị triệu đồng)



Chuyển dịch cơ cấu đầu tư tín dụng sản xuất kinh doanh là một trong những mục tiêu chủ yếu của chiến lược kinh doanh của NHNo&PTNT Quảng Yên cho phù hợp với cơ cấu chung của ngành. Cơ cấu thu nợ ngắn hạn và trung dài hạn của ngân hàng cũng tương ứng và phù hợp với cơ cấu của doanh số cho vay. Năm 2010 thu nợ trung – dài hạn đạt 60% trong tổng thu nợ, đến năm 2011 tỷ lệ này đạt 49%, phù hợp với cơ cấu cho vay và tình hình sản xuất của người dân trong thị xã, ngân hàng tập trung vào hoạt động thu nợ để hạn chế tình trạng nợ quá hạn. Con số thu nợ vẫn tiếp tục tăng trong những năm tiếp theo, và đến năm 2012 doanh số thu nợ tăng lên 274.140 triệu đồng, trong đó doanh số thu nợ ngắn hạn tăng lên rõ rệt, năm 2010 doanh số thu nợ cho vay ngắn hạn chỉ đạt 73.003 triệu đồng đến năm 2012 đã là 142.591 triệu đồng, tỷ trọng của doanh số thu nợ ngắn hạn tăng từ 40% ở năm 2010 tăng lên 52% ở năm 2012. Điều này cho thấy đầu tư ngắn hạn đã phân nào ổn định nên phần lớn đồng vốn của ngân hàng bỏ ra là thu về đúng kì hạn cả gốc và lãi. Trong những năm qua, mở rộng tín dụng theo cơ cấu hợp lý tạo điều kiện

cho hộ sản xuất phát huy khả năng sản xuất kinh doanh, giúp hộ sản xuất có đồng vốn kịp thời nhất khi họ cần

Dư nợ hộ sản xuất nông nghiệp.

Từ khi thành lập NHNo&PTNT Quảng Yên đã đầu tư vào thị trường nông nghiệp nông thôn. Thực hiện chỉ thị 202/HĐBT và nghị định số 14/TTg NHNo& PTNT Quảng Yên đã đầu tư trực tiếp vào hộ sản xuất: Cho vay lẻ và cho vay thông qua tổ tương hỗ. Vốn tín dụng đã được thực hiện và đầu tư cho tất cả các ngành nghề, tạo điều kiện cho hộ phát triển đa dạng, phong phú hơn.

Xét về cơ cấu dư nợ đối với các khu vực kinh tế cũng phản ánh sự chuyển hướng rõ nét trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hướng về khách hàng đông đảo là các hộ nông dân và địa bàn nông thôn là chủ yếu. Điều này thể hiện qua tỷ trọng vốn cho vay đối với hộ sản xuất rất cao.

Bảng 2.4 : Dư nợ tín dụng hộ sản xuất theo thành phần kinh tế tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Quốc doanh	800	600	125
Ngoài quốc doanh	250.212	291.941	280.669
Trong đó: Hộ sản xuất	194.357	229.247	214.392
Tổng số	251.012	292.541	280.794

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động tín dụng các năm 2010, 2011, 2012)

Qua bảng số liệu 2.4 cho thấy, cho vay các doanh nghiệp nhà nước giảm mạnh qua các năm. Đến năm 2012 dư nợ cho vay đối với thành phần kinh tế này giảm còn 125 triệu đồng. Thực tế, trên địa bàn thị xã số lượng doanh nghiệp quốc doanh đang hoạt động không nhiều nên dư nợ cho vay của Ngân hàng đối với doanh nghiệp nhà nước thay đổi theo nhu cầu của các doanh nghiệp này. Thay vào đó Ngân hàng chú trọng cho vay nhiều hơn đến các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Dư nợ cho vay thành phần này năm

2011 tăng 41.729 triệu đồng, tương ứng tăng 16,7% so với năm 2010. Trong đó hộ sản xuất chiếm tỷ trọng rất cao (năm 2012 chiếm 76,35%). Các hộ gia đình tự tổ chức sản xuất kinh doanh đang rất phổ biến ở địa phương vì vậy việc thiếu vốn là xu hướng tất yếu. Ngân hàng hiểu được nhu cầu vay vốn của nông dân nên tăng mức đầu tư vào hộ sản xuất cá thể. Mức cho vay năm 2011 tăng 34.890 triệu đồng tương ứng tăng 17,95% so với năm 2010.

Năm 2012, do chịu tác động của lạm phát kinh tế, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân nên hoạt động cho vay đối với các thành phần kinh tế này của ngân hàng cũng bị giảm sút. Cho vay ngoài quốc doanh trong năm 2012 giảm 14.855 triệu đồng tương ứng với 6,5% so với năm 2011.

Qua đó ta thấy được trong những năm gần đây, NHNo& PTNT Quảng Yên đã chú trọng mở rộng cho vay đối với loại hình ngoài quốc doanh, đặc biệt là HSX, đáp ứng kịp thời nhu cầu phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế của thị xã.

Cơ cấu đầu tư theo 3 ngành kinh tế trong 03 năm qua đã có sự chuyển dịch theo xu thế phát triển kinh tế của huyện đó là tăng dần tỷ trọng cho vay các ngành xây dựng, thương mại, dịch vụ. Điều đó được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.5 : Dư nợ hộ sản xuất phân theo ngành kinh tế tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1. Ngành nông nghiệp	44.047	60.614	63.978
2. Ngành thủy sản	12.645	20.963	26.904
3. Tiểu thủ công vận tải	77.146	86.579	76.689
4. Tiêu dùng	93.230	67.167	75.336
5. Kinh doanh+cầm cố+lao động nước ngoài	23.944	57.218	37.887
Tổng số	251.012	292.541	280.794

(Nguồn : Báo cáo kết quả hoạt động tín dụng các năm 2010, 2011, 2012)

Qua bảng 2.5 cho thấy, dư nợ cho vay của Ngân hàng chủ yếu là đối với ngành nông nghiệp, tiêu dùng và các ngành tiểu thủ công vận tải. Điều này hoàn toàn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của thị xã là một thị xã thuần nông, các ngành tiểu thủ công vận tải đã phát triển mạnh trong những năm gần đây.

Trong năm 2011-2012 dư nợ cho vay ngành nông nghiệp tăng 37,6%, thủy sản tăng 65,8%, tiểu thủ công vận tải tăng 12,2%, cho vay tiêu dùng giảm 28%, kinh doanh, cầm cố, lao động nước ngoài tăng 139%. Đây là lĩnh vực đang được coi là tiềm năng đối với các Ngân hàng. Dư nợ cho vay ngành này tăng đột biến qua các năm. Riêng năm 2011 dư nợ cho vay kinh doanh, cầm cố, lao động nước ngoài tăng 33.274 triệu đồng, tăng 139% so với cùng kỳ năm trước. Ngành thủy sản có dư nợ cho vay tăng đều qua các năm. Năm 2011 tăng 65,8% so với năm 2010, năm 2012 tăng 28% so với năm 2011.

Dư nợ cho vay với ngành nông nghiệp tăng đều qua các năm chiếm 23% tỷ trọng cho vay. Điều này phù hợp với tình hình chung của cả thị xã. Đặc biệt từ ngày 1/12/2010, chi nhánh thực hiện giảm lãi suất cho vay đối với đối tượng khách hàng là hộ sản xuất vay tín chấp theo quyết định của ngân hàng NHNo & PTNT Trung ương. Đây là cơ hội để các đối tượng khách hàng tiếp cận nguồn vốn với lãi suất hợp lý hơn, sát với mức cho vay bình thường trước đây. Dự kiến tỷ trọng của các ngành này sẽ còn tăng tiếp trong các năm tiếp theo.

Việc tăng quy mô tín dụng của NHNo & PTNT thị xã Quảng Yên trong những năm vừa qua chủ yếu tập trung vào kinh tế hộ sản xuất là chủ yếu, tỷ trọng cho vay đối với thành phần kinh tế này trong tổng dư nợ bình quân qua các năm 2010, 2011, 2012 luôn đạt mức 75% - 85%.

Dư nợ bình quân hộ sản xuất

Với đặc thù sản xuất nông nghiệp ở thị xã Quảng Yên còn đơn lẻ, sự hợp tác sản xuất giữa các hộ còn chưa cao, đa số các hộ sản xuất còn thiếu vốn nên chưa mở rộng sản xuất kinh doanh, mức độ phát triển kinh doanh chưa đồng đều. Do đó dư nợ bình quân của hộ sản xuất ở Quảng Yên còn hơi

thấp so với tiềm năng phát triển kinh tế của thị xã. Dư nợ bình quân được biểu hiện trong biểu sau:

Bảng 2.6: Dư nợ bình quân hộ sản xuất giai đoạn 2010 – 2012

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
Doanh số cho vay HSX	193.715	243.587	227.925
Số lượt hộ vay	4.005	4.674	4.107
Dư nợ bình quân mỗi HSX	48.368	52.115	55.497

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động tín dụng năm 2010 – 2012)

Dư nợ cho vay là thước đo quy mô tín dụng của một Ngân hàng nên bất cứ ngân hàng nào cũng chú trọng đến tăng trưởng dư nợ. Do xác định khách hàng phục vụ chính là các hộ nông dân, NHNo & PTNT Quảng Yên luôn phân đấu tăng trưởng dư nợ cho hộ sản xuất. Đến cuối năm 2012 dư nợ hộ sản xuất đạt đến 227.925 triệu đồng. Số lượt hộ còn dư nợ đến cuối năm 2012 đạt hơn 4.107 lượt hộ giảm 567 lượt hộ so với năm 2011. Dư nợ bình quân một hộ sản xuất tăng dần qua các năm.

Từ bảng 2.6 cho thấy, số tiền trung bình mỗi lượt vay của hộ sản xuất có xu hướng tăng, nhưng mức tăng chậm không đáng kể, với mức trung bình 51.993 triệu đồng. Số tiền vay cao thì chứng tỏ hiệu quả cho vay đã tăng lên, sức sản xuất cũng như quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ sản xuất tăng lên và tăng thu nhập hộ sản xuất.

2.5. Đánh giá thực trạng chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.

Vốn ngân hàng đã là “bạn đồng hành” với nhà nông với phương châm "hộ nông dân là khách hàng truyền thống, là chỗ dựa tin cậy" của NHNo&PTNT Việt Nam nói chung và NHNo&PTNT Quảng Yên nói riêng,

vốn tín dụng xây dựng nông thôn đây là quá trình tạo tiền đề vật chất kỹ thuật và nâng cao tầm điều hành quản lý làm chuyên biến cơ bản nông thôn, đưa nông thôn vào quá trình hội nhập, ngày càng gần gũi với thành thị, ngày càng thành bộ phận quan trọng nhất của tổng thể kinh tế thị trường rộng lớn của cả nước. Kinh tế hộ đã mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, góp phần không nhỏ vào chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm trên khoảng 10% (Theo Báo cáo tổng kết kinh doanh của NHNo&PTNT Quảng Yên năm 2012)

Vốn tín dụng NHNo&PTNT Quảng Yên những năm qua không chỉ chú trọng đầu tư phát triển kinh tế ở thị xã mà đã từng bước mở rộng đến từng thôn xóm, xã vùng sâu, vùng xa của thị xã. Vốn tín dụng tập trung chủ yếu cho vay kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp chiếm một phần lớn trên tổng dư nợ cho vay của NHNo&PTNT Quảng Yên.

NHNo&PTNT Quảng Yên luôn xác định chất lượng tín dụng là mục tiêu quan trọng sống còn của ngân hàng, vì vậy dư nợ cho vay của ngân hàng được thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ, luôn lấy hiệu quả chất lượng tín dụng và hiệu quả kinh tế của dự án làm trọng tâm. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, đào tạo giáo dục cán bộ thực hiện đúng triết lý kinh doanh "AGRIBANK mang phồn thịnh đến với khách hàng". Vì vậy chất lượng tín dụng ngày càng được nâng cao, tỷ lệ nợ quá hạn chỉ chiếm 0,11% so với tổng dư nợ cuối năm 2012.

2.5.1. Tình hình nợ quá hạn

Trong hoạt động ngân hàng nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng, để tồn tại và phát triển các ngân hàng không những phải mở rộng hoạt động mà cần phải nâng cao chất lượng hoạt động. Hoạt động tín dụng là hoạt động chính của ngân hàng nên củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng có ý nghĩa quyết định đến thành bại của mỗi ngân hàng.

Bảng 2.7 : Nợ quá hạn cho vay hộ sản xuất tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012

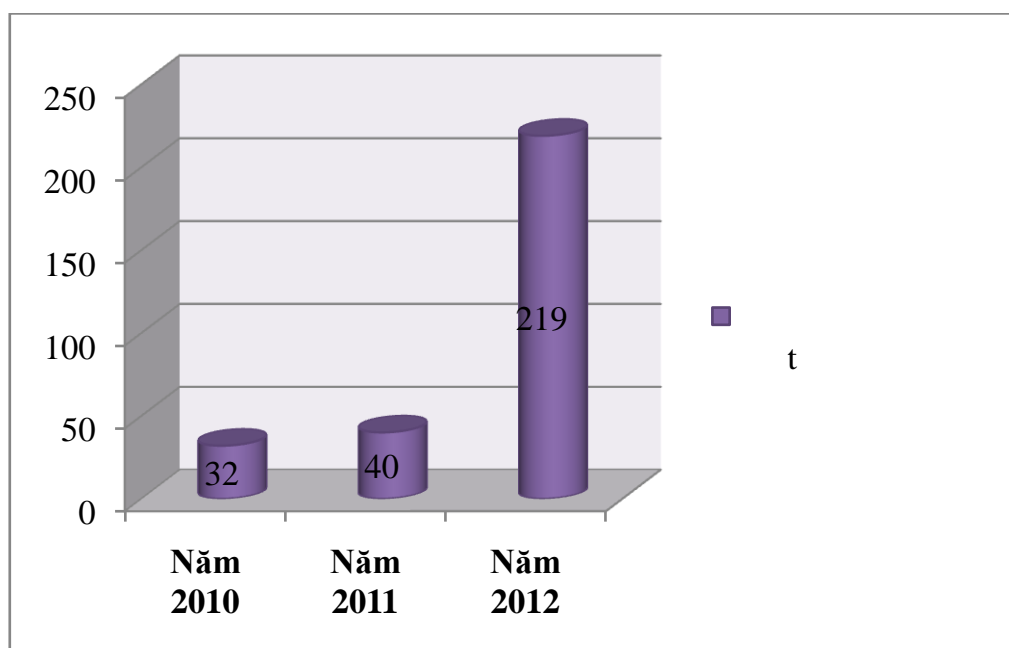
Đơn vị : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1. Tổng dư nợ hộ sản xuất	194.357	100	229.247	100	214.392	100
Nợ quá hạn	32	0,016	40	0,017	219	0,102
2. Dư nợ ngắn hạn	50.090	100	98.333	100	87.337	100
Nợ quá hạn	0	0	0	0	0	0
3. Dư nợ trung – dài hạn	200.922	100	194.208	100	193.457	100
Nợ quá hạn	32	0,016	40	0,021	219	0,11

(Nguồn: Báo cáo tình hình huy động và sử dụng vốn các năm 2010, 2011, 2012)

Nợ quá hạn là một khoản nợ mà người đi vay đến hạn phải trả cho NH cả vốn và lãi theo cam kết, nhưng khách hàng không trả được cho khách hàng, nợ quá hạn có tác động xấu đến hoạt động kinh doanh của NH cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng vay vốn.

Biểu đồ 3: Nợ quá hạn cho vay hộ sản xuất tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 – 2012 (đơn vị triệu đồng)



Qua bảng 2.7 cho thấy tỷ lệ nợ quá hạn của NHNo&PTNT Quảng Yên ở năm 2010 là 32 triệu đồng chiếm 0,016% dư nợ. Trong đó không có nợ quá hạn cho vay ngắn hạn, cho thấy khoản vay ngắn hạn của khách hàng luôn đảm bảo được trả đúng thời hạn, không phát sinh nợ xấu. Nợ quá hạn cho vay trung dài hạn là 32 triệu đồng chiếm 0,016% tổng dư nợ cho vay trung dài hạn. Tuy trong năm 2010 còn tồn tại một số nợ quá hạn nhưng nó tập trung chủ yếu là nợ quá hạn trong cho vay trung hạn. Với tỷ lệ nợ quá hạn năm 2010 là 0,016% điều này cũng có thể chấp nhận được.

Đến năm 2011 nợ quá hạn của ngân hàng đã tăng lên 40 triệu đồng chiếm 0,017% tổng dư nợ của ngân hàng tăng cả số tuyệt đối và số tương đối, tăng số tuyệt đối là so năm 2010 là 8 triệu, tăng số tương đối là 33%. Trong đó nợ quá hạn cho vay trung hạn là 40 tỷ chiếm 0,021% trong tổng dư nợ cho vay trung hạn.

Đến năm 2012 nợ quá hạn của ngân hàng đã tăng đột biến lên 219 triệu đồng chiếm tỷ trọng 0,102%, tăng 179 triệu so với năm 2011. Nợ quá hạn tăng là do trong năm 2012, nền kinh tế chung của thị xã có những biến động bất ổn ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của hộ sản xuất nông nghiệp, bên cạnh đó sản xuất nông nghiệp lại chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như thiên tai, giá cả... chính vì thế mà rủi ro là rất lớn. Những biện pháp xử lý, ngăn ngừa hạn chế sự xuất hiện nợ quá hạn của ngân hàng là chưa triệt để

Tình hình nợ quá hạn theo thời gian

Nợ quá hạn theo thời hạn vay là một chỉ tiêu hết sức quan trọng trong việc đánh giá chất lượng tín dụng, bởi yếu tố này cho biết được khả năng thu hồi vốn của các khoản nợ quá hạn là cao hay thấp, là có thể thu hồi hay không thể thu hồi.

Bảng 2.8: Nợ quá hạn hộ sản xuất phân theo thời gian quá hạn tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 – 2012

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Từ 10 – 90 ngày	0	0	8	20	116	53
Từ 91 – 180 ngày	0	0	0	0	103	47
Từ 181 – 360 ngày	0	0	0	0	0	0
Lớn hơn 360 ngày	32	100	32	80	0	0
Tổng số	32	100	40	100	219	100

(Nguồn: Báo cáo tình hình huy động và sử dụng vốn các năm 2010, 2011, 2012)

Qua bảng 2.8 cho thấy năm 2010 nợ quá hạn của NHNo & PTNT Quảng Yên là 32 triệu đồng trong đó tập trung hoàn toàn ở nợ quá hạn trên 12 tháng.

Đến năm 2011 nợ quá hạn là 40 triệu đồng trong đó tập trung nợ quá hạn trên 12 tháng, nợ quá hạn trên 12 tháng là 32 triệu đồng chiếm 80% tổng nợ quá hạn, tỷ trọng nợ quá hạn dưới 3 tháng cũng tăng nhỏ lên 8 triệu đồng.

Đến năm 2012 nợ quá hạn HSX của ngân hàng đã tăng đột biến lên 219 triệu đồng, trong đó tập trung vào nợ quá hạn dưới 3 tháng và nợ quá hạn từ 3 tháng đến 6 tháng. Nợ quá hạn dưới 3 tháng tăng 108 triệu đồng và chiếm 53% tổng nợ quá hạn, còn nợ quá hạn từ 3 tháng đến 6 tháng cũng tăng 103 triệu đồng và chiếm đến 47% trong tổng nợ quá hạn. Qua đó cho thấy tuy ngân hàng đã xử lý được những khoản nợ quá hạn trên 1 năm, nhưng chưa có những chính sách hợp lý để thu hồi các khoản nợ thuộc nhóm 2, 3, 4 và vẫn để nợ quá hạn có xu hướng tăng qua các năm.

2.5.2. Nợ xấu

Nợ xấu là khoản nợ là các khoản nợ của khách hàng mà ngân hàng khó có khả năng thu hồi được, nợ xấu là các khoản nợ thuộc nhóm 3 (nợ dưới

chuẩn), nhóm 4 (nợ nghi ngờ) và nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) quy định tại điều 6 quyết định số 636/QĐ-HĐQT-XLRR. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ là tỷ lệ để đánh giá chất lượng tín dụng của mỗi ngân hàng. Tỷ lệ nợ xấu càng thấp chứng tỏ chất lượng tín dụng càng tốt và ngược lại.

Bảng 2.9: Nợ xấu tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng dư nợ HSX	229.247	229.247	214.392
Nợ xấu	32	32	103
Tỷ lệ nợ xấu	0.012%	0.014%	0,04%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2010, 2011, 2012 của NHNo&PTNT Quảng Yên)

Rủi ro tín dụng là một phần không thể tránh khỏi của Ngân hàng. Mức độ rủi ro của một ngân hàng cao hay thấp được phản ánh qua tỷ lệ nợ xấu. Qua bảng ta thấy tỷ lệ nợ xấu đang có xu hướng tăng (năm 2012 là 103 triệu đồng, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ là 0.04%). Năm 2012 có tỷ lệ nợ quá hạn cao hơn so với hai năm còn lại, nguyên nhân là do năm 2012 người đi vay làm ăn thua lỗ nên dẫn đến nợ quá hạn tăng. Kết quả nổi bật nhất của Ngân hàng trong hoạt động cho vay hộ sản xuất những năm qua là tỷ lệ nợ quá hạn hàng năm thấp, nhỏ hơn mức trung bình của NHNo&PTNT Việt Nam (hơn 3%/năm). Tỷ lệ này có thể không phản ánh điều gì nếu mức dư nợ nhỏ bé nhưng nhìn vào khối lượng tín dụng hộ sản xuất mà ngân hàng đang quản lý thì tỷ lệ này thực sự có ý nghĩa, thể hiện sự cố gắng lớn của chi nhánh. Trong thời gian tới chi nhánh cần tiếp tục nỗ lực thu hồi các khoản nợ xấu bằng nhiều biện pháp và quan trọng là công tác kiểm tra sau cho vay cần tiến hành thường xuyên, sâu sát, chặt chẽ hơn, có như vậy sự tăng trưởng tín dụng của chi nhánh mới gắn liền với sự nâng cao về chất lượng tín dụng. Đó cũng là điều kiện cho sự phát triển bền vững của chi nhánh.

2.5.3. Vòng quay vốn tín dụng hộ sản xuất.

Vòng quay vốn tín dụng là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá chất lượng tín dụng ngân hàng. Vòng quay này càng lớn thể hiện ngân hàng thu nợ, lãi có hiệu quả và cũng có thể là do cơ cấu cho vay vốn ngắn hạn cao, vòng quay này thấp có thể là do công tác thu nợ, lãi của ngân hàng không tốt hoặc cơ cấu cho vay trung dài hạn cao.

Bảng 2.10: Vòng quay vốn tín dụng của NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Doanh số thu nợ HSX	182.162	241.048	274.140
Dư nợ	229.247	229.247	214.392
Vòng quay vốn tín dụng HSX	0,795	1,051	1,28

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2010, 2011, 2012 của NHNo&PTNT Quảng Yên)

Bảng số liệu 2.10 cho thấy vòng quay vốn tín dụng của Chi nhánh qua 3 năm 2010, 2011 và 2012 lần lượt là 0,795 vòng, 1,051 vòng và 1,28 vòng. Chỉ số này thể hiện vòng quay của đồng vốn huy động, hay nói cách khác là số lần mà một đồng vốn huy động được đem cho vay.

Với chỉ một đồng vốn nhưng nếu càng cho vay quay vòng nhiều lần bao nhiêu thì càng thu được nhiều lợi nhuận bấy nhiêu nên chỉ số này càng cao càng tốt. Với NHNo & PTNT Quảng Yên, chỉ số này tương đối cao đã phản ánh sự hiệu quả trong kinh doanh.

Tuy nhiên, đối với Chi nhánh, dư nợ cho vay bình quân qua các năm là khá cao, nhưng do tình hình thu nợ của Chi nhánh là tốt, do đó dẫn đến vòng quay vốn tín dụng là khá lớn. Điều này chỉ ra hiệu quả trong công tác thu nợ của Chi nhánh.

2.5.4. Hiệu suất sử dụng vốn.**Bảng 2.11: Hiệu suất sử dụng vốn của NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012***Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng dư nợ	251.012	292.541	280.794
Tổng vốn huy động	491.162	587.022	835.545
Hiệu suất sử dụng vốn(%)	51,12	49,83	33,61

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2010, 2011, 2012 của NHNo&PTNT Quảng Yên)

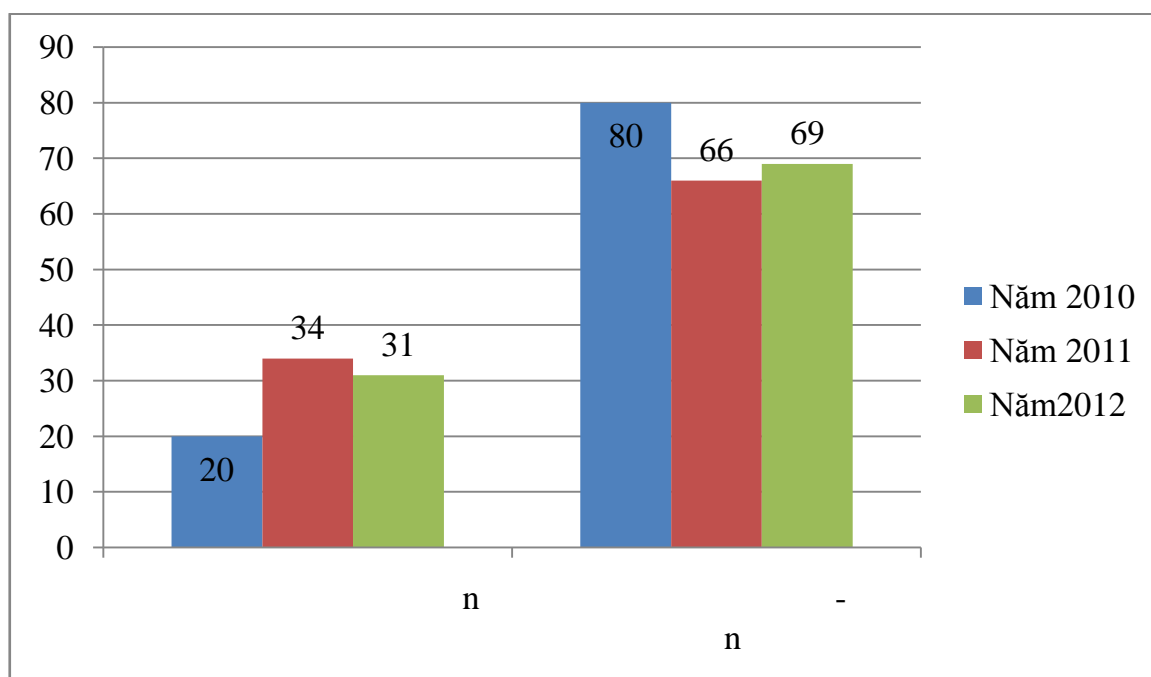
Nhìn vào bảng trên ta thấy, vốn huy động được dùng vào việc cho vay là khá lớn. Hiệu suất sử dụng vốn của Chi nhánh năm 2010; 2011; 2012 lần lượt 51,12%; 49,83%; 33,61%. Tỷ lệ này như vậy là khá tốt, vừa có thể đảm bảo được tính thanh khoản của Ngân hàng, vừa có tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn.

2.5.5. Kết quả đạt được trong hoạt động tín dụng hộ sản xuất của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Yên trong giai đoạn 2010 – 2012.**a) Kết quả đạt được**

Kể từ khi NHNo&PTNT Quảng Yên được thành lập và nhất là những năm gần đây Ngân hàng đã góp 1 phần công sức của mình trong sự nghiệp Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa (CNH – HĐH) nông thôn (nhất là từ khi có Quyết định 67/1999/QĐ - TTg ngày 30/3/1999 của Thủ tướng chính phủ "về một số chính sách tín dụng Ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn"), cải thiện dân bộ mặt nông thôn của thị xã qua việc hỗ trợ vốn cho người dân thiếu vốn sản xuất, kinh doanh. Trong đó Ngân hàng đặc biệt

chú trọng đầu tư cho hộ nông dân sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, vì đây là ngành kinh tế trọng tâm của thị xã.

Biểu đồ 4: Tỷ trọng cho vay đối với hộ sản xuất tại NHNo& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 – 2012 (đơn vị triệu đồng)



Kết quả nổi bật trong năm 2012 là tỷ trọng dư nợ trung - dài hạn trong tổng dư nợ hộ sản xuất cao đạt 69%. Đây là một tỷ lệ cao mà không phải chi nhánh ngân hàng nào cũng có thể đạt được, đặc biệt là ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với đặc trưng sản xuất nông nghiệp theo mùa vụ. Vốn đầu tư trung - dài hạn đã đáp ứng nhu cầu vốn của các hộ sản xuất về máy móc thiết bị công tác phục vụ khai thác, đánh bắt hải sản, đầu tư chiều sâu như , mua máy định vị, điện thoại đàm thoại... góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông hải sản của hộ sản xuất.

Phát huy tính cộng đồng trách nhiệm bằng hình thức cho vay quá hạn như: Hội phụ nữ, Hội nông dân, đã tập trung đầu mối khách hàng, nâng cao hiệu quả quản lý, giảm khối lượng công việc cho cán bộ tín dụng và tỷ lệ an toàn vốn cao.

Chi nhánh hầu như luôn cố gắng tạo nguồn từ địa phương chủ động trong kinh doanh chứ không lệ thuộc vào ngân hàng tỉnh điều về. Đây cũng là cố gắng lớn của toàn bộ cán bộ công nhân viên chi nhánh. Nhờ có sự đoàn

kết nhất trí của ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên ngân hàng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Thường xuyên duy trì, thực hiện chế độ kiểm tra kiểm soát nội bộ trong tất cả các công việc, do đó nâng cao được ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ công nhân viên trong cơ quan để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban Giám đốc NHNo&PTNT tỉnh Quảng Ninh, ban giám đốc NHNo&PTNT Quảng Yên, Thị uỷ, Ủy ban nhân dân thị xã, NHNo&PTNT Quảng Yên đã đạt được kết quả trên, đó là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên chức NHNo&PTNT Quảng Yên nói chung và của những cán bộ làm công tác tín dụng nói riêng.

b) Một số tồn tại.

Mặc dù tình hình cho vay HSX ở thị xã Quảng Yên trong thời gian qua có thu được kết quả đáng kể nhưng vẫn tồn tại những vướng mắc cần được tháo gỡ:

- Tốc độ tăng trưởng dư nợ hộ sản xuất mấy năm qua đạt chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu của cộng đồng. Năm 2012 dư nợ cho vay trung – dài hạn có xu hướng giảm sút . Đây là khó khăn vừa làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ sản xuất và còn tác động trực tiếp đến nguồn thu ngân hàng .

- Định thời hạn cho vay và kỳ hạn nợ chưa hợp lý , chưa căn cứ vào chu kỳ sản xuất kinh doanh . Việc thu lãi đang còn tập trung vào những ngày cuối tháng, chưa dàn đều các ngày trong tháng. Điều đó gây ra việc kéo dài thời gian lao động của một số bộ phận liên quan khác, tạo cho khách hàng một thói quen dồn tiền nộp vào những ngày cuối tháng gây ra xáo trộn trong việc điều hành kiểm tra giám sát.

- Suất đầu tư cho mỗi hộ sản xuất còn thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của hộ nông dân.

- Quá trình thẩm định chưa được cán bộ tín dụng làm tốt theo quy định, cả cán bộ lẫn người vay vốn đều không biết chắc chắn về khả năng sinh lời của dự án.

- Công tác thẩm định, kiểm soát nợ và phân tích nợ theo định lượng còn hạn chế, do đó chất lượng tín dụng còn tiềm ẩn rủi ro.

- Nợ quá hạn, nợ xấu vẫn còn tiếp tục xảy ra ở một số chương trình như: Dự án cho vay nuôi tôm, cua cá ở vùng đầm ven biển và tiềm ẩn ở một số đối tượng cho vay khác. Ngân hàng chưa có chính sách hợp lý để thu hồi các khoản nợ quá hạn thuộc nhóm 2, 3, 4.

c) Nguyên nhân tồn tại

- Nguyên nhân khách quan:

Một là: Nền kinh tế Việt nam chuyển sang cơ chế thị trường mới được một thời gian ngắn, nhiều hộ nông dân không bắt kịp với những thay đổi của các chính sách kinh tế vĩ mô cũng như đòi hỏi ngày càng cao và luôn thay đổi của thị trường nhất là về chất lượng, chủng loại, giá cả, sản phẩm hàng hoá. Phần lớn các hộ nông dân vẫn còn ở tình trạng sản xuất phân tán, manh mún, tự cung, tự cấp, nên các hộ có nhu cầu vay vốn và mức vay vốn của mỗi hộ còn rất thấp.

Hai là: Do nhiều khách hàng còn bị hạn chế về trình độ, thiếu những kỹ năng, kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất. Vì vậy mà tiền vay không được sử dụng đúng mục đích, dẫn đến khả năng khách hàng không trả được nợ cao, do đó ảnh hưởng đến hiệu quả tín dụng của Ngân hàng.

Ba là: Do đặc điểm địa lý của thị xã Quảng Yên trải dài nên đa số các hộ sản xuất nằm xa trụ sở Ngân hàng, điều kiện đi lại không thuận tiện nên các nhân viên Ngân hàng gặp khó khăn trong việc tiếp cận sâu sát với đối tượng vay vốn và quản lý vốn vay.

- Nguyên nhân chủ quan

Một là: Về trình độ năng lực của cán bộ tín dụng:

Hộ nông dân không những họ thiếu về vốn sản xuất mà họ còn thiếu cả về trình độ quản lý, kỹ thuật ... nhưng năng lực cán bộ Ngân hàng nói chung và cán bộ tín dụng nói riêng chưa đáp ứng được nhu cầu của họ. Đáng chú ý nhất là một bộ phận không nhỏ cán bộ làm nhiệm vụ cho vay hộ nông dân rất ít hiểu biết về nông nghiệp nông thôn nên việc xác định mức vốn vay, định kỳ hạn nợ, tính hiệu quả kinh tế, mức sinh lời của đối tượng vay ...

thiếu cơ sở khoa học, thiếu thực tiễn thêm vào đó chưa thường xuyên thực hiện nguyên tắc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay nên hiệu quả vốn vay còn thấp.

Nhiều cán bộ tín dụng còn non trẻ thiếu nhiều kinh nghiệm, làm sai quy trình cho vay. Ngoài ra, do buông lỏng kiểm tra món vay, xử lý gia hạn nợ không kịp thời định kỳ hạn nợ cho khách hàng không phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh. Việc phân tích dư nợ chưa được tiến hành thường xuyên, đúng quy cách nên phát sinh nợ quá hạn là tất yếu.

Hai là: Địa bàn hoạt động của NHNo&PTNT rộng, khách hàng chủ yếu là nông dân nông thôn, làm ăn manh mún, suất đầu tư thấp, thời hạn cho vay theo chu kỳ sản xuất, một cán bộ tín dụng quản lý nhiều món vay, nhiều khách hàng, nên có hiện tượng quá tải nhưng lại không có chính sách thoả đáng đảm bảo quyền lợi cho họ, nhất là các CBTD phụ trách các xã vùng sâu, vùng xa.

Bên cạnh đó giữa NHNo&PTNT và các tổ chức đoàn thể xã hội chưa thực sự phối kết hợp chặt chẽ với nhau để quản lý, chuyển tải vốn và hướng dẫn các hộ sử dụng vốn vay nhằm mở rộng, nâng cao chất lượng tín dụng trên cơ sở đảm bảo an toàn vốn vay có hiệu quả, một số tổ chức đoàn thể xã hội, cơ quan chức năng cho việc cho vay, thu nợ đó là việc của Ngân hàng.

Ngoài những kết quả đạt được thì những tồn tại trên đây cộng với khí hậu, thời tiết khắc nghiệt nắng lắm, mưa nhiều gây cản trở đối với quá trình mở rộng khả năng tiếp cận đồng vốn của Ngân hàng đến người sản xuất, hạn chế khả năng phát huy hiệu quả sử dụng vốn ở khu vực kinh tế nông thôn. Đòi hỏi cần có 1 hệ thống chính sách điều chỉnh từ TW đến địa phương, hàng loạt các biện pháp giải quyết của NHNo&PTNT, đồng thời cần phối kết hợp chặt chẽ hơn nữa với các tổ chức đoàn thể xã hội như Hội phụ nữ, Hội nông dân, khuyến nông, khuyến lâm ... để đưa ra những cách thức giải quyết tốt nhất nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn vay.

CHƯƠNG 3:
GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG ĐỐI
VỚI HỘ SẢN XUẤT Ở NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NINH – CHI NHÁNH
QUẢNG YÊN.

3.1. Định hướng nâng cao chất lượng tín dụng hộ sản xuất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên từ giai đoạn 2011 – 2015.

3.1.1. Định hướng hoạt động chung của chi nhánh

2. Định hướng chung.

Trong giai đoạn 2011 – 2015, theo đề án cơ cấu lại NHNo&PTNT Việt Nam đã xác định: Tập trung xây dựng NHNo&PTNT Việt Nam thành tập đoàn tài chính "*Tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng hợp lý đảm bảo cân đối, an toàn và khả năng sinh lời, đáp ứng được yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, nông thôn, mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ Ngân hàng đủ năng lực cạnh tranh; tập trung đầu tư hiện đại hóa, đủ năng lực hội nhập. Nâng cao năng lực tài chính và phát triển giá trị thương hiệu*".

Trên cơ sở đó, NHNo&PTNT tỉnh Quảng Ninh cũng như Chi nhánh thị xã Quảng Yên xác định định hướng chung cho hoạt động trong những năm tới:

- Đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho các chương trình trọng tâm của tỉnh. Trong đó chú trọng đầu tư vốn cho các chương trình phát triển sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, chương trình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn.

- Đẩy mạnh huy động vốn trên địa bàn nhằm cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng ổn định, hợp lý, tăng tính chủ động của chi nhánh trong hoạt động kinh doanh.

- Tăng cường tín dụng ở mức hợp lý trên cơ sở có nguồn vốn và kiểm soát được khoản vay, lấy phương châm "An toàn - Hiệu quả - Bền vững" làm nguyên tắc chỉ đạo điều hành hoạt động tín dụng.

- Nâng cao năng lực tài chính, trích lập đủ quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định, đảm bảo lương và các khoản thu nhập khác cho cán bộ theo quy định của NHNo&PTNT Việt Nam.

- Giữ vững thị trường, thị phần vốn cho vay chiếm 70% tổng vốn đầu tư của cả khu vực nông nghiệp và nông thôn với các khách hàng truyền thống là hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

3. Một số chỉ tiêu cần đạt trong giai đoạn 2011 – 2015:

- Nguồn vốn huy động: Tập trung huy động tất cả các nguồn vốn nhân rộng trong các tổ chức kinh tế - xã hội và dân cư với lãi suất linh hoạt, đảm bảo chi phí đầu vào hợp lý cho hoạt động kinh doanh. Phần đầu tăng trưởng bình quân hàng năm từ 11% - 13% so với năm trước.

- Tăng trưởng dư nợ: Đầu tư tín dụng đối với tất cả khách hàng có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn. Đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ cho vay theo dự án trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm của tỉnh. Đối với hộ sản xuất kinh doanh truyền thống đã vay vốn cần duy trì quan hệ tín dụng thường xuyên, chú ý tiếp cận các khách hàng mới có dự án SXKH hiệu quả. Đạt dư nợ cho vay tăng trưởng bình quân hàng năm từ 9 - 11%.

- Thực hiện phân loại nợ theo đúng Quyết định 493/QĐ-NHNN, trong đó tỷ lệ nợ xấu dưới 5%/ tổng dư nợ.

- Về tài chính: lợi nhuận hàng năm tăng 10%; thu ngoài tín dụng chiếm 10% trong tổng thu nhập; thu nhập của người lao động hàng năm đạt mức tối đa theo quy định của NHNo&PTNT Việt Nam.

- Đảm bảo an toàn tài sản trong kinh doanh.

- Kinh doanh đảm bảo thực hiện đúng pháp luật đã quy định và thực hiện sự chỉ đạo của ngân hàng cấp trên.

- Xây dựng đoàn kết nội bộ phối hợp chặt chẽ giữa Đảng – Chính quyền – Đoàn thể đảm bảo sự đoàn kết thống nhất dân chủ, trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động, làm tốt công tác kiểm tra - kiểm toán nội bộ, công tác thi đua khen thưởng để hoàn thành thực hiện tốt nhiệm vụ trong những năm tới.

3.1.2. Định hướng nâng cao hiệu quả cho vay hộ sản xuất của Chi nhánh.

Việt Nam đang tập trung vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trước hết là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Nông nghiệp vốn được coi là mặt trận hàng đầu và kinh tế hộ được quan tâm chú trọng. Trong thời kỳ quá độ lên XHCN, chúng ta thừa nhận sự cùng tồn tại và phát triển của các thành phần kinh tế trong đó có kinh tế tư nhân. Chính vì vậy, phát triển kinh tế hộ là chiến lược lâu dài và tín dụng đối với kinh tế hộ phải được phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng theo hướng đảm bảo thoả mãn mọi nhu cầu vốn của nông dân. Chi nhánh đã có những định hướng để nâng cao hiệu quả chi vay đối với hộ sản xuất:

- Bám sát mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương, Ngân hàng chủ động kịp thời nắm bắt nhu cầu đầu tư, dự án đầu tư, đối tượng đầu tư ở từng vùng, từng xã để thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn.

- Tích cực huy động vốn tại chỗ nhằm chủ động nguồn vốn đáp ứng, kịp thời nhu cầu vốn hợp lý để phát triển sản xuất, làm cơ sở cho việc tăng trưởng tín dụng một cách vững chắc.

- Ưu tiên cho vay trồng trọt, chăn nuôi theo hướng sản phẩm hóa, vùng chuyên canh tập trung. Đối với ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống cho vay theo hướng tập trung.

- Ưu tiên những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng sinh thái, nuôi trồng đặc sản.

- Hộ gia đình là khách hàng chủ yếu, khuyến khích phát triển loại hình kinh doanh trang trại, kinh tế hợp tác. Trên cơ sở pháp lý đảm bảo phát huy được nguồn lực tại chỗ, giữ vững khách hàng truyền thống đồng thời thu hút khách hàng mới nhằm thực hiện chủ đạo trong hệ thống tín dụng nông nghiệp.

- Giảm thấp nợ quá hạn và nợ có vấn đề theo phương châm "An toàn để phát triển, phát triển phải an toàn".

3.2. Một số giải pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Yên.

Đề cập tới vấn đề nâng cao chất lượng tín dụng, đặc biệt là tín dụng hộ sản xuất đã có nhiều người nghiên cứu và đưa ra nhiều phương pháp, tuy nhiên không phải những giải pháp này áp dụng ở ngân hàng nào cũng đem lại hiệu quả cao. Tại mỗi địa phương khác nhau, mỗi giai đoạn khác nhau cần có các giải pháp cụ thể khác nhau. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận tại trường và đi thực tế tại địa bàn thị xã Quảng Yên em thấy để nâng cao hơn nữa chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất cần thực hiện tốt các giải pháp sau.

3.2.1. Thực hiện tốt quy trình nghiệp vụ tín dụng kinh tế hộ.

Quy trình tín dụng là các bước mà cán bộ tín dụng cần phải thực hiện để đạt được hiệu quả tín dụng, mọi khoản vay đều được bắt đầu từ cán bộ tín dụng và kết thúc khi tất toán kế ước - thanh toán hợp đồng tín dụng.

Cán bộ tín dụng phải là người có kiến thức không chỉ chuyên môn mà còn có kiến thức về kinh tế xã hội nhất định để có thể nắm bắt được địa bàn của mình, các chủ trương phát triển quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp uỷ chính quyền địa phương, về vấn đề tiêu thụ sản phẩm đầu ra của hộ sản xuất trên thị trường. Có như vậy khi thẩm định một dự án vay mới đảm bảo chính xác mà khâu thẩm định rất quan trọng nó quyết định rất lớn đến hiệu quả cho vay trong khâu thẩm định cán bộ tín dụng phải làm nổi bật được tính khả thi, hiệu quả của dự án phản ánh sản xuất kinh doanh, mục đích cho vay có hợp pháp hay không... pháp luật dân sự, đánh giá được phương diện tổ chức của dự án, lợi ích kinh tế xã hội của dự án đem lại, đánh giá giá trị tài sản đảm bảo (nếu có). Có như vậy, khoản vay được an toàn khi thu nợ. Một điều nữa mà không thể viết thành văn bản nó chỉ được rút ra từ những bài học thực tiễn. Đó là "Phẩm chất, tư cách người vay" giúp cán bộ tín dụng nhận biết khách hàng có đủ điều kiện vay hay không, điều này không dễ gì nhận biết nếu không có sự đi sâu, tỷ mỉ và trách nhiệm của cán bộ tín dụng.

Trong khi cho vay các khoản cho vay dù có được kiểm tra trước khi cho vay vẫn phải tiến hành tra trong khi cho vay. Quá trình này là sự hợp tác của cán bộ nghiệp vụ, các phòng liên quan chủ yếu là phòng kinh doanh và phòng kế toán ngân quỹ.

+ Đối với cán bộ tín dụng: Phải xác định đầy đủ, đúng đắn, hợp pháp, hợp lệ hồ sơ các loại và các yếu tố chứng từ, chỉ khi nào kiểm tra kỹ lưỡng, đảm bảo độ tin cậy, cán bộ tín dụng mới được phép ghi vào sổ sách, lập phiếu chi tiền hoặc lập phiếu chuyển khoản, nhập các dữ liệu vào máy.

+ Đối với thủ quỹ: Công việc không kém phần quan trọng, họ là người sau cùng trao tiền cho khách hàng, thủ quỹ kiểm tra lại tính đúng đắn của phiếu chi tiền mặt, kiểm tra lại chứng minh thư nhân dân.

Kiểm tra sau khi cho vay là quá trình kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn vay theo đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng, sử dụng và quản lý tài sản đảm bảo tiền vay, kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, đôn đốc trả nợ và xử lý rủi ro trong quá trình này, cán bộ tín dụng giữ vai trò chính mang tính quyết định đến sự an toàn vốn vay, việc kiểm tra sau khi cho vay cán bộ tín dụng có thể kiểm tra đột xuất các món này, có thể một lần hoặc nhiều lần trong quá trình kiểm tra cần phân loại khoản vay thành hai loại: Các khoản vay tốt và các khoản vay có vấn đề.

+ Các khoản vay tốt: Là các khoản vay có kết quả kinh tế, sử dụng đúng mục đích trả nợ gốc và lãi, không có biểu hiện chây ì.

+ Các khoản vay có vấn đề trả chậm gốc và lãi có biểu hiện chây ì sử dụng vốn vay sai mục đích, điều chỉnh kết quả, vi phạm một số điều khoản của hợp đồng, luôn gặp rủi ro bất khả kháng. Tùy vào điều kiện cụ thể mà cán bộ tín dụng báo cáo với Ngân hàng có biện pháp để xử lý theo quy định. Chỉ có thực hiện nghiêm túc và khoa học quy trình cho vay thì Ngân hàng mới đạt hiệu quả cho vay và tránh được các rủi ro.

3.2.2. Nâng cao chất lượng tín dụng hộ sản xuất

a) Thực hiện công tác thu nợ có hiệu quả, ngăn ngừa nợ quá hạn tiềm ẩn, nợ quá hạn mới phát sinh.

Thu nợ có hiệu quả thể hiện chất lượng tín dụng cao, vì vậy ngân hàng cần có một hệ thống biện pháp thu nợ hữu hiệu để nhắc nhở những khoản nợ đến hạn cũng như đôn đốc khách hàng trả nợ. Hoạt động này rất quan trọng vì nó chứng tỏ ngân hàng:

- Có hiệu quả trong kiểm tra và quản lý tài sản vay.
- Nghiêm khắc trong hoạt động kinh doanh.
- Muốn duy trì quan hệ tốt đẹp với khách hàng.

Việc gửi giấy báo nợ và tiến hành đòi nợ có hệ thống và đúng lúc phải được thực hiện đối với tất cả khách hàng, trong giấy báo, lời lẽ phải lịch thiệp song phải nghiêm khắc, cương quyết yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ đúng hạn (hiện nay ngân hàng đã thực hiện gửi thông báo nợ đến hạn cho khách hàng trước hạn trả nợ trước 10 ngày).

Ngân hàng duy trì thường xuyên tổ chức phân tích tình hình dư nợ chung toàn ngân hàng và dư nợ đến từng cán bộ tín dụng, từng phường, xã, từng khách hàng, qua đó xác định rõ món vay có vấn đề, nợ quá hạn tiềm ẩn, xác định xã trọng điểm, khách hàng trọng điểm. Duy trì lịch trực của cán bộ tín dụng tại phường, xã; đưa việc trực tiếp giải quyết công việc tại cơ sở đi vào nề nếp, tăng cường mối quan hệ với cấp ủy chính quyền địa phương qua việc triển khai các chính sách chế độ của Ngân hàng về huy động vốn, chế độ cho vay, tổ chức cho vay, thu nợ và xử lý nợ đạt hiệu quả. Định kỳ hàng tháng ngân hàng chia hoạt động tín dụng ra 4 phần để phân tích và chỉ đạo cụ thể từng phần như sau:

- *Đối với nợ quá hạn:* Tổ chức phân tích từng đối tượng và phân ra 3 loại: loại thu được ngay, loại thu dần một phần và loại khó thu. Từ đó, xác định rõ nguồn thu, biện pháp thu, thời gian thu phù hợp.

+ Khoản nợ quá hạn phải thu ngay: Là loại nợ quá hạn do định kỳ hạn nợ sát do thu hoạch chậm so với mùa vụ, tiêu thụ sản phẩm và thanh toán chậm do nguyên nhân khách quan như thiên tai, mất mùa... Cán bộ tín dụng phải đôn đốc thu hồi nợ, khi khách hàng có khả năng trả nợ thì phải thu ngay thu đủ 100%(cả gốc và lãi). Nếu khách hàng chưa đủ thì có bao nhiêu thu

bấy nhiêu, tránh trường hợp khách hàng lại dùng tiền đó vào mục đích khác. CBTD phải xác định được các nguồn hoàn trả của hộ vay. Tuy nhiên, Chi nhánh cần ngăn chặn việc gia hạn nợ tùy tiện, gia hạn nhiều lần để chạy theo chỉ tiêu đề ra khi nhận khoán, giấu giếm khuyết điểm. CBTD phải xác định được các nguồn hoàn trả của hộ vay, nếu điều nay không thể thực hiện được thì không được phép gia hạn.

+ Khoản nợ quá hạn thu dần từng phần: Là loại nợ quá hạn mà khách hàng không có khả năng thanh toán ngay một lần, căn cứ vào cam kết trả nợ của khách hàng và điều tra của mình cán bộ tín dụng chia số nợ ra làm nhiều kỳ phù hợp với khả năng của khách hàng thu dần, mỗi lần không dưới 20% dư nợ trên kế ước.

+ Khoản nợ khó đòi: Ngân hàng nên đánh giá và xem xét cho từng nguyên nhân cụ thể, nếu do khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, sản xuất kém hiệu quả dẫn đến thua lỗ khách hàng “chây ỳ”, cố tình không trả nợ.... Ngân hàng cần áp dụng các biện pháp cứng rắn, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương cưỡng chế, thanh lý tài sản bảo đảm nợ vay, nếu do nguyên nhân rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hoả hoạn.. thì cần phải lập danh sách gửi lên ngân hàng cấp trên để có những chỉ đạo cụ thể như khoan nợ, giãn nợ,...

+ Khoản nợ đến hạn mà khách hàng chưa có khả năng trả nợ, nếu do những nguyên nhân khách quan bất khả kháng thì được ngân hàng gia hạn nợ. Nếu trường hợp hộ vay thế chấp bằng tài sản khi gia hạn mà giá trị tài sản thế chấp đánh giá lại không đủ theo quy định thì yêu cầu cần có thêm tài sản khác để thế chấp.

- *Đối với nợ sắp đến hạn*: Từ ngày 01 đến ngày 10 tháng trước, tổ chức in ra những món nợ đến hạn của tháng sau, thông báo cho cán bộ tín dụng. Từ ngày 20 đến ngày 25 cán bộ tín dụng đi thăm nhập khách hàng để xác định khả năng trả nợ của từng khách hàng đến hạn tháng sau, từ đó có biện pháp cụ thể đến từng khách hàng, nếu có khó khăn phải báo cáo lãnh đạo để có biện pháp giúp đỡ.

- *Đối với nợ chưa đến hạn*: Sẽ tổ chức kiểm tra sau, chú ý những món nợ từ 10 triệu trở lên và tập trung kiểm tra vào hai nội dung chính đó là: Kết quả hoạt động kinh doanh của người vay và diễn biến của tài sản thế chấp. Nếu có vấn đề thì xử lý theo các biện pháp tín dụng, giúp đỡ khách hàng sớm khắc phục khó khăn có điều kiện trả nợ ngân hàng.

- *Đối với các món cho vay mới*: Yêu cầu cho vay nghiêm chỉnh, đúng quy trình nhằm tạo ra mặt bằng dư nợ mới chất lượng lành mạnh hơn.

Ngoài ra, để ngăn ngừa nợ quá hạn tiềm ẩn, nợ quá hạn phát sinh đối với các hộ sản xuất nông nghiệp về chăn nuôi, trồng trọt, Ngân hàng có thể giới thiệu tới người nông dân về hình thức bảo hiểm mua hàng để giảm bớt được rủi ro do các yếu tố khách quan như bão lũ, thiên tai, dịch bệnh. Đây là hình thức giúp đỡ người nông dân khi gặp khó khăn, rủi ro trong sản xuất, đồng thời giúp ngân hàng nông nghiệp mở rộng và có thể thu hồi nợ bởi vì lĩnh vực sản xuất nông nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên, trình độ sản xuất của các hộ còn thấp, có nhiều bất ổn với cơ chế thị trường mới, sản xuất kinh doanh trên kinh nghiệm truyền lại, kỹ thuật canh tác lạc hậu. Vì vậy cần mở rộng hình thức bảo hiểm cây trồng vật nuôi.

b) Phát triển cho vay hộ sản xuất thông qua tổ nhóm

Tổ tương hỗ là một mô hình mới ra đời mấy năm gần đây do cộng đồng dân cư thành lập một cách tự nguyện dưới sự lãnh đạo của các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội được UBND xã công nhận và cho phép hoạt động. Hoạt động tổ nhóm nhằm giải quyết một số vấn đề sau:

Một là: Tổ tương hỗ là nơi các hộ sản xuất tương hỗ lẫn nhau không chỉ về nhu cầu vốn mà còn về kiến thức khoa học kỹ thuật trong sản xuất và nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như việc tiêu thụ sản phẩm đầu ra.

Hai là: Tổ tương hỗ được thành lập có quy ước riêng đây là điều kiện cần thiết để giám sát kiểm tra, đôn đốc sử dụng vốn vay, trả nợ, trả lãi đúng hạn của hộ sản xuất.

Ba là: Tổ tương hỗ là nơi hoạt động sản xuất và đánh giá nhu cầu của hộ sản xuất thành viên, đảm bảo tính công khai, chính xác kịp thời giúp

cho việc thẩm định cho vay của ngân hàng nhanh chóng mà đảm bảo chất lượng tín dụng.

Hình thức chuyển tải vốn tín dụng tới hộ sản xuất thông qua tổ tín chấp đem lại lợi ích cho cả hai phía ngân hàng và khách hàng.

Đối với hộ sản xuất: vay vốn thông qua tổ tín chấp giảm bớt được thời gian giao dịch, thời gian đi lại từ đó giảm bớt được chi phí, do ngân hàng giải ngân tại các xã và bố trí lịch trực thu nợ tại xã hoặc giao cho tổ trưởng thu lãi hàng tháng. Điều này có ý nghĩa quan trọng vì mức vốn vay của hộ gia đình còn nhỏ lẻ, khi vay phải hoàn tất thủ tục vay vốn nên người dân dễ nảy sinh tâm lý ngại vay ngân hàng mà đi vay mượn ở những người xung quanh mặc dù lãi suất cao. Gây tình trạng cho vay nặng lãi ở vùng nông thôn không có hiệu quả kinh tế xã hội. Hơn nữa với thành viên tổ tín chấp hộ còn quan tâm gắn bó hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trao đổi kinh nghiệm, kỹ thuật... sử dụng vốn vay có hiệu quả hơn.

Về phía ngân hàng: cấp tín dụng cho vay hộ sản xuất theo hình thức tổ tín chấp hiệu quả hơn và đảm bảo vốn an toàn cao hơn rất nhiều. Tổ trưởng vay vốn là người trong xóm, trong xã do nhân dân bầu lên, được chính quyền xã công nhận, luôn giám sát việc sử dụng vốn của các tổ viên, nên đôn đốc hộ vay vốn sử dụng vốn vay và trả gốc, trả lãi đầy đủ đúng hạn theo cam kết.

NHNo&PTNT Quảng Yên nên mở rộng hình thức cho vay qua tổ nhóm. Để tín dụng ngày càng được nâng cao và để hình thức cho vay qua tổ, nhóm được thực hiện và có hiệu quả đòi hỏi ngân hàng cần thực hiện tốt các vấn đề sau:

- Ngân hàng cần tổ chức chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội, đặc biệt là hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh đây là các tổ chức chính trị thích hợp với điều kiện kinh tế xã hội địa phương.

- Chủ động phát triển hình thức cho vay qua tổ nhóm đối với khách hàng vay vốn, giải thích cho mọi người hiểu lợi ích của việc vay vốn thông

qua tổ nhóm. Luôn luôn phải kết hợp hài hoà lợi ích giữa ngân hàng với tổ trưởng và giữa ngân hàng với các thành viên.

- Sau khi thành lập được tổ nhóm ngân hàng tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức cơ bản về quản lý nghiệp vụ tín dụng cho các tổ trưởng tổ vay vốn, từ đó ngân hàng có thể quản lý chặt chẽ hơn vốn đầu tư của mình, nâng cao chất lượng của mỗi khoản vay, hạn chế rủi ro trong hoạt động tín dụng hộ sản xuất.

c) Nâng cao chất lượng thẩm định, đánh giá khách hàng

Thực hiện nghiêm túc quy trình nghiệp vụ, trước hết là việc thẩm định, đánh giá khách hàng. Việc thẩm định, đánh giá chính xác khách hàng là cơ sở để có quyết định đầu tư vốn đúng đắn, là vấn đề then chốt trong công tác tín dụng. Thẩm định dự án nhằm kiểm tra khẳng định lại những chi tiết kinh tế kỹ thuật của dự án đầu tư như: quy mô đầu tư, thiết bị công nghệ, khối lượng và chất lượng sản phẩm... trên cơ sở đó để đi đến đầu tư. Việc phân tích đánh giá phải được tiến hành toàn diện, phải đánh giá năng lực pháp lý, tư cách đạo đức, uy tín của khách hàng vay bởi điều đó quyết định ý thức trả nợ của khách hàng; Phân tích, đánh giá chính xác năng lực tài chính, năng lực kinh doanh, môi trường kinh doanh của khách hàng bởi nó quyết định đến khả năng trả nợ của khách hàng.

Tăng cường công tác điều tra, nắm chắc mục tiêu kinh tế xã hội, đặc điểm địa lý kinh tế của từng xã, thị trấn; nắm vững số lượng, chất lượng khách hàng để tiến hành phân loại xếp loại khách hàng để lựa chọn đối tượng cho vay đúng.

d) Thiết lập, duy trì mối quan hệ lâu bền với khách hàng vay vốn

Mối quan hệ giữa Ngân hàng với khách hàng vay vốn là quan hệ hai chiều, Ngân hàng hỗ trợ về vốn sản xuất kinh doanh cho khách hàng và ngược lại, khách hàng vay vốn đem lại nguồn thu chủ yếu cho Ngân hàng. Thiết lập và duy trì mối quan hệ lâu bền với khách hàng sẽ biết được nhu cầu vay thực tế và chu kỳ sản xuất kinh doanh của họ để có hình thức cho vay phù hợp, đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng, giảm được chi phí,

thời gian tìm hiểu khách hàng trước khi cho vay, vì thông tin về khách hàng được thu thập thường xuyên và đảm bảo an toàn vốn vay. Những khách hàng có quan hệ lâu dài thường có kết quả kinh doanh hiệu quả, ý thức trả nợ tốt, từ đó tạo nguồn thu ổn định cho Ngân hàng.

Tùy từng đối tượng khách hàng, Ngân hàng có chính sách cho phù hợp. Đối với khách hàng có quan hệ thường xuyên, có tín nhiệm, Ngân hàng có thể có ưu đãi về lãi suất cho vay, mặt khác, trong quá trình sản xuất kinh doanh, nếu khách hàng gặp khó khăn chưa trả được nợ, Ngân hàng có thể gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ để họ tiếp tục sản xuất kinh doanh.

3.2.3. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng tiền vay.

Công tác kiểm tra tốt, nghiêm túc sẽ có tác dụng ngăn chặn các rủi ro tín dụng một cách có hiệu quả.

Việc kiểm tra có thể được tiến hành định kỳ, đột xuất hoặc công khai với tất cả các món vay. Việc kiểm tra được tiến hành trước, trong và sau khi cho vay, tất cả các khâu để kiểm tra đều rất quan trọng và khâu kiểm tra sau khi cho vay sẽ chứng minh lại các khâu trên là đúng hay sai.

+ Kiểm tra vốn vay của hộ có sử dụng đúng mục đích hay không.

+ Kiểm tra hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay để xác định có hay không phạm vi các điều khoản ghi trong hợp đồng.

+ Kiểm tra phản ánh sử dụng vốn vay trên thực tế có hiệu quả hay không. Để công tác kiểm tra thực sự nghiêm túc và chính xác hiệu quả thì đòi hỏi cán bộ Ngân hàng cần có năng lực trình độ nghiệp vụ và một số kiến thức kinh tế xã hội khác và một điều rất quan trọng trong công tác kiểm tra đó là đạo đức nghề nghiệp.

3.2.4. Giải pháp mở rộng mạng lưới hoạt động tại các phường, xã xa ngân hàng.

Địa bàn thị xã Quảng Yên trải dài, ngân hàng lại nằm ở vị trí đầu thị xã nên việc giao dịch với khách hàng hết sức khó khăn, cán bộ tín dụng dù nhiệt tình với công việc cũng không thể luôn theo dõi khoản vay một cách

sát sao được, để giải quyết vấn đề này giải pháp tốt nhất là mở rộng thêm phòng giao dịch vừa tiện cho khách hàng quan hệ với ngân hàng, vừa tiện cho ngân hàng theo dõi nợ, lãi và còn tăng thêm quy mô, uy tín của ngân hàng trên địa bàn.

3.2.5. Xây dựng và sử dụng hợp lý quỹ dự phòng rủi ro tín dụng.

Rủi ro trong hoạt động tín dụng cũng là một tất yếu khách quan đối với tín dụng trung dài hạn do lượng vốn lớn và thời gian dài nên lại càng dễ xảy ra rủi ro. Ngoài những nguyên nhân chủ quan tạo ra rủi ro, còn có những nguyên nhân khách quan gây ra, thậm chí để lại hậu quả hết sức nặng nề. Phân tán rủi ro là một giải pháp có tính chủ động và ngăn ngừa tích cực những hậu quả lớn có thể xảy ra với ngân hàng.

Việc phân tán rủi ro được thực hiện thông qua phân tán dư nợ và đồng tài trợ. Nó được biểu hiện cụ thể dưới hình thức ngân hàng không nên tập trung quá nhiều vốn cho một người vay. Những dự án lớn, có thời gian vay vốn dài cần huy động nhiều ngân hàng tham gia tài trợ và cùng quản lý vốn cho vay đồng thời hạn chế cho vay các lĩnh vực có tỷ lệ rủi ro cao.

Việc xây dựng và sử lý hợp lý quỹ dự phòng tổn thất tín dụng là một biện pháp cần thiết trong việc nâng cao chất lượng tín dụng trung dài hạn tại ngân hàng. Theo quy định hiện nay ngân hàng phải có một quỹ dự phòng và bù đắp rủi ro. Quỹ dự phòng tổn thất tín dụng được hình thành phải dựa trên dự kiến một khoản rủi ro trích trước vào chi phí của ngân hàng để thực hiện các khoản tín dụng. Bằng cách này làm cho quỹ dự phòng tổn thất tín dụng thể hiện đúng bản chất của nó: Rủi ro gắn liền với kinh doanh, thông qua hoạch toán để phản ánh các chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh. Việc xác định tỷ lệ trích lập quỹ dựa vào số liệu các năm trước, có tính đến tình hình thực tế về số tiền cho vay, số tiền dự phòng tổn thất, diễn biến tình hình thanh lý nợ trong đó quan trọng nhất là kết quả của công tác thẩm định dự án và đối tượng xin vay.

3.2.6. Giải pháp về nâng cao chất lượng công tác cán bộ tín dụng

Nhân tố con người là yếu tố quyết định sự thành bại và hoạt động kinh doanh của ngân hàng vì vậy giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng phải gắn liền với việc nâng cao chất lượng dân sự đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của công tác phục vụ cũng như áp dụng khoa học công nghệ, cung cấp dịch vụ mới cho khách hàng. Để giải quyết vấn đề này ngân hàng cần phải thực hiện:

- Nâng cao trình độ năng lực của cán bộ tác nghiệp bằng các hình thức đào tạo tại chỗ, đào tạo tại chức...khuyến khích cán bộ tự học chuyên môn ngoại ngữ, vi tính để bảo đảm nhân tố công việc ngoại giao.

- Thường xuyên đào tạo bồi dưỡng cán bộ kinh nghiệm cũng như kiến thức bổ trợ cho quá trình làm việc như: kiến thức làm kinh tế sản xuất, kiến thức pháp luật... nhằm nâng cao hiệu quả công tác cho vay.

- Nâng cao trình độ thâm định của cán bộ tín dụng thực hiện đầy đủ các quy trình nghiệp vụ tín dụng đã đặt ra. Tồn tại trong các tỷ lệ an toàn vốn và đưa ra các quy định về cho vay phù hợp với loại hình hoạt động kinh tế nông thôn theo ngành nghề, loại hộ sản xuất theo thời gian.

3.2.7. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Yên cần phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương.

Tranh thủ sự giúp đỡ của cấp uỷ, chính quyền các cấp, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để tổ chức tuyên truyền chính sách, cơ chế của ngân hàng đến đông đảo các tầng lớp nhân dân, từng bước thực hiện xã hội hoá công tác ngân hàng, điều này góp phần không nhỏ đối với sự thành công trong công tác tín dụng ngân hàng.

3.3. Một số kiến nghị.

3.3.1. Kiến nghị với nhà nước.

- Các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước điều chỉnh hoạt động tín dụng thì không nên hình sự hóa hoạt động tín dụng, không luật hóa các loại hình đảm bảo tiền vay của ngân hàng thương mại, nhưng phải nâng cao tính pháp lý của hợp đồng tín dụng. Việc ngân hàng cho vay có thể chấp,

cầm cố hay không là do bên vay thỏa thuận trong hợp đồng, nếu bên nào vi phạm sẽ bị tòa án kinh tế xét xử. Chính phủ không nhất thiết can thiệp quá sâu vào nghiệp của ngân hàng.

- Nhà nước cần nhanh chóng phê chuẩn và đưa vào hoạt động tổ chức mua bán nợ. Nhiệm vụ của tổ chức này là mua toàn bộ số tín dụng xấu của các ngân hàng thương mại để phân tích và thu hồi nợ theo hướng chuyên môn hóa, bất kể số nợ đó có tài sản cầm cố thế chấp hay không. Có làm vậy mới “làm sạch” được bảng cân đối tài sản của các ngân hàng thương mại và để cho các ngân hàng thương mại có thời gian chấn chỉnh lại hoạt động theo phương án cải tổ mới.

- Tiếp tục củng cố và sớm hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, từ đó tạo ra hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động kinh doanh ngân hàng. Nhà nước phải có chính sách ưu tiên đối với hoạt động ngân hàng (vốn điều lệ, công nghệ), hoạt động ngân hàng có vai trò đòn bẩy của nền kinh tế. Nếu hoạt động ngân hàng không phát huy hiệu quả dẫn đến nền kinh tế kém phát triển, đồng thời về lâu dài sẽ không đủ sức cạnh tranh với ngân hàng nước ngoài.

- Hoạt động của NHNo&PTNT gắn liền với sự phát triển nông nghiệp và nông thôn. Nhà nước cần có những chính sách ưu tiên về vốn, về thuế, nhất là về xử lý nợ do nguyên nhân bất khả kháng.

3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam:

- Ngân hàng nhà nước (NHNN) cần rà soát lại các văn bản, xóa bỏ tình trạng các văn bản chồng chéo, thiếu đồng bộ, không phù hợp với thực tế, làm cho văn bản ngành mang tính pháp lý cao chứ không đơn thuần mang tính pháp lý như hiện nay.

- Nâng cao hiệu lực thanh tra, chú trọng vào các biện pháp khắc phục những tồn tại và có thái độ kiên quyết với các đơn vị có sai phạm mà không chịu sửa sai.

- NHNN cần phải tiêu chuẩn hóa các tiêu thức đánh giá chất lượng tín dụng, xây dựng chính sách lãi suất phù hợp với từng ngành, từng vùng, cân đối lãi suất cho vay và hiệu quả kinh tế của người nông dân để có cơ chế về lãi suất hợp lý, tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp phát triển.

- NHNN cần đẩy mạnh hoạt động của bộ phận trung tâm thông tin phòng ngừa rủi ro vì đây là đầu mối để thu hút và cung cấp thông tin cho các ngân hàng thương mại (NHTM) nhằm giúp cho các NHTM có các quyết định đúng đắn trong hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, cũng cần quy định trách nhiệm liên đới của trung tâm này trong trường hợp các NHTM bị rủi ro do sử dụng các thông tin do các trung tâm này cung cấp.

3.3.3. Kiến nghị với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

- Trong thời gian qua rủi ro đối với hoạt động tín dụng có xu hướng tăng lên, các ngân hàng thương mại phải tự chịu trách nhiệm về các rủi ro cho vay, đặc biệt có thể gia tăng rủi ro đạo đức do chính cán bộ tín dụng trong việc thực hiện các thể lệ chế độ gây ra. Dư nợ cứ tiếp tục tăng nhanh, trong khi số lượng cán bộ tín dụng hầu như không tăng, điều kiện giao thông ở nông thôn rất khó khăn... làm tăng áp lực lên cán bộ tín dụng. Đồng thời trách nhiệm và khối lượng công việc của cán bộ tín dụng gia tăng nhưng cơ chế tiền lương chậm được cải thiện cũng làm rủi ro tín dụng gia tăng. Xét thấy NHNo&PTNT Việt Nam sau khi khảo sát thực tế cần xây dựng một số định mức tương đối chuẩn đối với cán bộ tín dụng. Kèm theo việc kiểm tra, phân loại cán bộ tín dụng theo bậc lương, trình độ năng lực, bằng cấp... Quy định về số tiền lương và chế độ thù lao thỏa đáng đối với cán bộ tín dụng nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn nhiều nơi đang diễn ra đó là: Có nhiều cán bộ có năng lực nhưng rất sợ làm cán bộ tín dụng.

- Việc sử dụng tài sản thế chấp hiện nay là một vấn đề khó khăn và phức tạp, cần có biện pháp để tháo gỡ, NHNo&PTNT Việt Nam cần có sự chỉ đạo và tác động tới các cấp chính quyền và các cơ quan chức năng để hỗ

trợ và ủng hộ ngân hàng trong việc xử lý tài sản thế chấp thu nợ cho ngân hàng.

- Là cơ quan hoạch định các chiến lược kinh doanh và cơ chế tài chính, NHNo&PTNT Việt Nam cần có sự điều chỉnh lại cơ chế khoán tài chính phải tạo ra động lực thúc đẩy cho các hoạt động kinh doanh ngân hàng hiệu quả cao, tránh gây áp lực cho các đơn vị thành viên và các chi nhánh đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Điều này bản thân nó lại ảnh hưởng trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng tín dụng

3.3.4. Kiến nghị với chính quyền địa phương.

- Chỉ đạo những ngành khuyến nông, phòng nông nghiệp, trạm thú y, giống cây trồng tổ chức tập huấn cho các hộ nông dân những kiến thức cơ bản về khoa học kỹ thuật trong việc trồng trọt, chăn nuôi và các ngành nghề khác. Giúp các hộ nông dân có đủ kiến thức để nhận đồng vốn vay sử dụng đem lại có hiệu quả.

- Chỉ đạo ngành địa chất khoáng sản làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất ở cho các hộ gia đình. Tạo điều kiện cho các hộ gia đình được quyền sử dụng đất thế chấp vay vốn Ngân hàng theo luật định.

- Các cấp ủy chính quyền tạo điều kiện tìm hiểu thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong tỉnh, chủ yếu là hàng nông lâm sản, các hàng hóa khác. Có được thị trường tiêu thụ vững chắc thì mới kích thích các hộ gia đình yên tâm bỏ vốn đầu tư khai thác các tiềm năng, thu hút lao động, tăng sản phẩm cho xã hội, tăng thu nhập cho gia đình và cũng là điều kiện để mở rộng đầu tư của ngân hàng.

- Cần quy định trách nhiệm rõ ràng của Ủy ban nhân dân các cấp, các bộ, ngành liên quan khi tham gia phê duyệt, thẩm định dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh và trách nhiệm của ngân hàng, tránh tình trạng rủi ro xảy ra thì toàn bộ trách nhiệm thuộc về ngân hàng.

3.3.5. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Quảng Ninh:

- Phân đấu đến hết năm 2012 các đơn vị trực thuộc đều có trụ sở ổn định, kiên cố, khang trang với đủ phương tiện hiện đại, phù hợp với các chương trình giao dịch mới, đủ sức cạnh tranh.

- Có kế hoạch hỗ trợ đào tạo các kiến thức mới trong quản lý kinh tế, kiến thức ngoài ngành, tiếp thị...

- Ngân hàng cần quan tâm hơn đến quyền lợi của cán bộ tín dụng vì: hoạt động tín dụng luôn tìm ẩn rủi ro, nhất là cho vay đối với hộ sản xuất. Trong các báo cáo tổng kết của ngân hàng luôn nhắc nhở, rà soát lại đội ngũ cán bộ tín dụng, có hình thức kỷ luật tương xứng với mức độ vi phạm quy chế, không hoàn thành nhiệm vụ đề ra. Nhưng lại không đề cập nhiều đến chế độ đãi ngộ đối với những cán bộ làm tốt, hoàn thành nhiệm vụ.

- Đề nghị NHNo & PTNT Quảng Ninh làm việc với các tổng Công ty, tạo điều kiện để chi nhánh tiếp cận với các đơn vị trực thuộc, nhằm khai thác tốt thế mạnh của hệ thống mạng lưới NHNo.

- Tổ chức kiểm tra các cấp lãnh đạo trong thực tế cho vay HSX, phát hiện và kịp thời xử lý những sai sót cả về khách hàng và chủ quan của ngân hàng cơ sở. Nhằm ngăn chặn tình trạng NHNo & PTNT Chi nhánh Quảng Yên chạy theo mục tiêu mở rộng cho vay về doanh số cho vay và đối tượng cho vay mà bỏ qua chất lượng của khoản vay.

- NHNo & PTNT tỉnh cần phải có chiến lược kinh doanh trên cụ thể từng thời kỳ, đặc biệt là chủ trương lãi suất để điều chỉnh linh hoạt nhạy bén cạnh tranh với các NHTM trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho NHNo & PTNT Chi nhánh Quảng Yên mở rộng cho vay HSX.

- Do trình độ dân trí ở nông thôn còn thấp, thủ tục vay vốn tuy đã có những cải tiến giản đơn hơn, nhất là sau khi có Quyết định 41/HĐQT ra đời thay cho QĐ67 nhưng nhiều loại giấy tờ nội dung còn dài, phức tạp đối với món vay > 50 triệu, vì vậy cần đơn giản hơn. Đơn giản là cần thiết nhưng thủ tục vay vốn vẫn cần đảm bảo tính pháp lý. Từ thực tế đó, xin đề nghị với

NHNo Tỉnh sớm nghiên cứu thủ tục vay vốn cho từng loại khách hàng với quan điểm: đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân và các chi nhánh NHNo thực hiện.

3.3.6. Kiến nghị đối với hộ sản xuất

- Các hộ gia đình phải có ý thức trong việc chủ động xây dựng dự án sản xuất kinh doanh trên cơ sở những khả năng, tiềm năng sẵn có của mình. Cung cấp đầy đủ, đúng các thông tin về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của mình để ngân hàng xem xét, tư vấn cho khách hàng và xác định mức vốn đầu tư hợp lý phù hợp với năng lực quản lý của từng hộ.

- Phải có ý thức tích lũy kinh nghiệm trong quá trình sản xuất kinh doanh, kinh nghiệm của những người xung quanh. Và tham gia các buổi tập huấn, chuyển giao công nghệ để học tập và tích lũy kinh nghiệm, tích lũy những kiến thức khoa học kỹ thuật về những đối tượng mà mình sắp đầu tư trước khi vay vốn ngân hàng để đầu tư. Có như vậy mới có đủ khả năng quản lý và sử dụng vốn phát huy hiệu quả

- Chấp hành nghiêm túc các quy định, điều kiện, thể lệ tín dụng của Ngân hàng. Có ý thức trách nhiệm trong quá trình quản lý và sử dụng vốn vay sòng phẳng trong quan hệ tín dụng.

Tóm lại, đầu tư tín dụng đối với hộ sản xuất là một bộ phận quan trọng trong tổng thể các loại hoạt động kinh doanh của ngân hàng nông nghiệp. Để mở rộng nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất, cần phải có sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các cơ quan, ban ngành liên quan và sự nỗ lực của bản thân Ngân hàng thì mới đạt hiệu quả.

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn hiện nay thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, đặc biệt là kinh tế HSX đang ngày càng khẳng định vai trò không thể thiếu trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Không có sự phát triển của kinh tế HSX thì chắc chắn không thể có sự phát triển toàn diện của kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhất là một quốc gia có đến gần 70% dân số sống ở khu vực nông thôn như Việt Nam.

Vậy đầu tư cho HSX ở nước ta được xem là tất yếu khách quan và giải pháp về tín dụng cho HSX là một giải pháp cơ bản và quan trọng hàng đầu, nó phù hợp với quy luật kinh tế và phù hợp sự mong muốn của toàn dân. Có thể nói sau 20 năm ngành ngân hàng đã thành công trong cho vay trực tiếp đến HSX. Tín dụng ngân hàng phục vụ HSX là động lực quan trọng phát triển kinh tế sản xuất. Điều này được thể hiện như sau: Số hộ và dư nợ vốn vay của các HSX trong giai đoạn này tăng liên tục đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp được phát triển; Tăng nhanh sản xuất lương thực cho tiêu dùng trong nước đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và dành một phần cho xuất khẩu. Đồng thời còn giúp cho các HSX phát triển chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, trồng cây công nghiệp. Cho vay các hộ gia đình làm kinh tế tiểu thủ công nghiệp tạo điều kiện việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho dân cư và làm đổi mới bộ mặt nông thôn góp phần thực hiện Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn theo nghị quyết TW khoá XI. Tuy nhiên tín dụng HSX là một chủ trương tương đối mới và có tầm cỡ quốc gia cho nên không thể tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình thực hiện trên phạm vi rộng lớn.

Bằng kinh nghiệm thực tế và tính năng động của mình, việc đầu tư nâng cao cho HSX của NHNo & PTNT Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên trong thời gian qua đã đạt được những kết quả bước đầu rất quan trọng. Nhờ vốn và chính sách tín dụng của NHNo & PTNT Quảng Yên – Chi nhánh Quảng Ninh mà các HSX ở địa bàn đã phần nào thoả mãn được nhu cầu về vốn để

sản xuất kinh doanh. Mở ra được hướng mới trong việc giải quyết cho vay vốn sản xuất trên địa bàn hiện nay đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

Vị trí vai trò của NHNo & PTNT Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên đối với phát triển kinh tế trên địa bàn ngày càng được đánh giá cao hơn. Từ đó có thể khẳng định NHNo & PTNT Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên đã và đang đi đúng hướng trong việc cho vay HSX trên địa bàn và các vùng lân cận.

Tuy vậy việc đầu tư cho HSX ở NHNo & PTNT Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên không phải là vấn đề đơn giản, vì ngân hàng phải tiến hành trong điều kiện nền kinh tế chủ yếu là tự cung tự cấp, năng suất lao động thấp, hộ nông dân thiếu vốn trầm trọng. Do đó vấn đề làm như thế nào để nâng cao chất lượng cho vay HSX luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu ở NHNo & PTNT Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên.

Trong quá trình nghiên cứu, khóa luận đã hoàn thành một số nhiệm vụ sau:

- Góp phần hệ thống hoá những luận điểm cơ bản về kinh tế HSX cũng như vấn đề cơ bản về vai trò của tín dụng ngân hàng đối với việc phát triển kinh tế nói chung và kinh tế HSX nói riêng trong nền kinh tế nước ta. Từ đó đưa ra những luận cứ để vận dụng trong việc quản lý chỉ đạo thực hiện vấn đề đầu tư tín dụng đối với HSX.

- Khoá luận đã nêu lên thực trạng cho vay HSX tại NHNo & PTNT Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên. Đưa ra những kết quả tồn tại và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm từ đó có các giải pháp trong thời gian tới.

- Khoá luận đã đề cập tới phương hướng phát triển tất yếu của kinh tế HSX trên địa bàn trong thời gian tới; Đề cập đến mục tiêu hoạt động tín dụng cũng như các giải pháp để thực hiện các mục tiêu đề ra, trong đó chủ yếu là giải pháp nâng cao chất lượng cho vay HSX. Mặt khác khoá luận cũng đã nêu ra những kiến nghị đối với Nhà nước, NHNo & PTNT Quảng Ninh, Chính quyền địa phương.

Đề tài “*Một số giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng HSX tại NHNo & PTNT Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên*” là một đề tài lớn, phong phú phức tạp. Hoàn thành bản khoá luận này bản thân em mong muốn và hy vọng đóng góp một phần nhỏ bé kiến thức của mình vào lĩnh vực nâng cao chất lượng cho vay HSX. Tuy nhiên do khả năng nhận thức về lý luận và thực tế còn hạn chế, thời gian nghiên cứu khoá luận ngắn, phạm vi nghiên cứu hẹp, tài liệu tham khảo còn chưa đa dạng nên nội dung của bài khoá luận chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Vì vậy em mong muốn nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo và bất cứ những ai quan tâm đến vấn đề này.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình chu đáo của Cô Nguyễn Thị Khuyên cùng các cô chú đang công tác tại NHNo & PTNT Quảng Ninh – Chi nhánh Quảng Yên. Em xin chân thành cảm ơn Cô hướng dẫn *Th.S Hoàng Thị Hồng Lan* cùng các thầy cô giáo trong khoa đã giúp đỡ em hoàn thành bản khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng Ngày 17 Tháng 06 Năm 2013

Sinh viên thực hiện

TRẦN THỊ LAN CHI

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình "*Quản trị Ngân hàng thương mại*" - TS Phan Thị Thu Hà và TS Nguyễn Thị Thu Thảo - NXB Thống kê 2002.
2. "*Tiền tệ Ngân hàng và Thị trường Tài chính*" - Frederic S. Mishkin, NXB Khoa học và kỹ thuật 1999.
3. Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh của NHNO& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012.
4. -Bảng cân đối kế toán của NHNO& PTNT Quảng Yên giai đoạn 2010 - 2012
5. Tạp chí Ngân hàng 2011, 2012.
6. Tạp chí Tài chính 2011, 2012
7. Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ 2011, 2012.
8. Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
9. Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
10. Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.
11. Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12